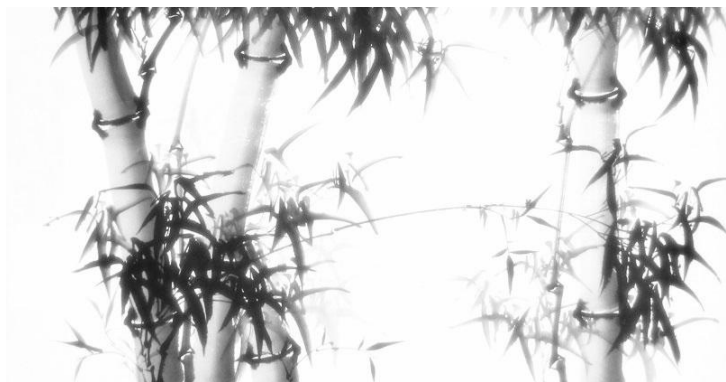


BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

**BA MƯƠI BẢY
PHẨM
TRỞ ĐẠO**



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

SÁCH BIỂU KHÔNG BÁN



Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ

Đạo" là một bảng thống kê các pháp tu hành của đạo Phật, từ người sơ cơ mới bắt đầu tu tập cho đến khi chứng đạo, có

đầy đủ 37 pháp hành, từ dễ đến khó và lý giải rành mạch rõ ràng.

Vì thế bài kinh này có tên là **Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo** có nghĩa là ba mươi bảy pháp môn giúp cho người tu chứng đạo.

Người có hiểu biết **Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo** là người tu tập không bao giờ sai đường lạc lối của Phật giáo. Vì thế trước tiên muốn tu tập theo Phật giáo chúng tôi xin khuyến quý vị hãy nghiên cứu kỹ ba mươi bảy phẩm trợ đạo rồi mới tu tập.

Khi đã thông suốt **Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo** thì không có pháp môn nào của ngoại đạo mạo nhận là của Phật giáo để lừa gạt quý vị được. Ngoài **Ba**

Mười Bảy phẩm Trợ Đạo này trong đạo Phật không còn có một pháp môn nào khác nữa. Nếu có pháp môn nào khác ngoài ba mươi bảy pháp môn này là pháp môn của ngoại đạo. Đó là điều chắc chắn mà đức Phật đã xác định như vậy.

Bởi các pháp môn của ngoại đạo không bao giờ có pháp môn nào giống như trong Ba Mười Bảy Pháp Môn Trợ Đạo này.

Quý vị hãy xem xét lại pháp môn Tịnh Độ thuộc hệ phái Bắc Tông dạy tu hành bằng cách nhiếp tâm chuyên rờng câu Niệm Hồng Danh Phật Di Đà. Phật Di Đà là một đức Phật tượng tượng của Đại Thừa, chứ Phật Di Đà không có thật. Vì thế khi niệm Phật được nhất tâm tức là ức chế ý thức không còn

niệm khởi nên tưởng thức hoạt động, do đó người niệm Phật liền thấy cảnh giới Tây phương cực lạc.

Thiền Tông cũng bắt chước niệm Phật để được nhất tâm. Khi nhất tâm thì ý thức không khởi niệm vọng tưởng thì Thiền Tông gọi là thiền định.

Khi không có niệm khởi vọng tưởng liền gọi là Thiền định. Thiền định như vậy chỉ là Thiền định của ngoại đạo, chứ Thiền định của đạo Phật không phải vậy, khi một người tu hành theo Phật giáo phải ly dục ly bất thiện pháp trải qua các pháp Tứ Chánh Cần và Tứ Niệm Xứ. Khi chứng được tâm Tứ Niệm Xứ thì mới có đủ Tứ Thần Túc, khi có đủ Tứ Thần Túc thì mới có đủ khả năng nhập Tứ Thánh Định, còn chưa có Tứ Thần Túc

mà nhập Thiên định, đó là Thiên định của Thiên Tông Trung Quốc.

Trải qua trên 10 năm tu tập những pháp môn này, chúng tôi đã đạt được nhất tâm bất loạn từ ngày này sang ngày khác, nhưng khi xả ra thì xét lại tâm mình vẫn còn tham, sân, si, mạn, nghi. Biết rõ như vậy, chúng tôi đành bỏ không tu tập nữa.

Trong khi nghiên cứu Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo chúng tôi thấy Đại Thừa và Thiên Tông không có pháp môn nào giống như Ba Mươi Bảy Pháp của Phật. Do đó chúng tôi biết ngay các Tổ hệ phái phát triển tưởng giải tạo ra những pháp môn tu tập ức chế ý thức, làm cho hết vọng tưởng. Ngược lại đức Phật dạy: “Ý dẫn đầu các pháp. Ý làm chủ. Ý tạo tác”. Đạo Phật không diệt ý thức mà còn sử

*dụng ý thức để tạo thành lực Tứ Thần
Túc, Nhờ lực Tứ Thần Túc mới làm
chủ Sinh, Già, Bệnh, Chết.*

*Cho nên Phật giáo Thiên Tông
Trung Quốc dạy: kiến tánh thành Phật,
chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục
hiện tiền, biết vọng không theo hay biết
vọng liền buông, chơn trâu, tham thoại
đầu, tham công án, khởi nghi tình
v.v... Những pháp hành này trong kinh
sách Nguyên thủy Phật không có dạy.
Vậy mà các Tổ Trung Quốc dám cả gan
mạo nhận là Phật thuyết.*

*Phật giáo Nam Tông Miền
Điền dạy tu tập thiền Minh Sát Tuệ
bằng pháp môn nhiếp tâm phình xẹp nơi cơ
bụng.*

Phật giáo Mật Tông Tây Tạng, các vị Lạt Ma dạy niệm các thần chú ức chế tâm để tưởng thức hoạt động xuất hiện cầu vồng, đó cũng là các thức lừa đảo tín đồ Phật tử.

Đem tất cả các pháp môn này so sánh với Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo của Phật giáo thì chúng ta không thấy có một pháp môn nào giống pháp môn của Phật giáo cả. Và như vậy chúng tôi xác định các pháp môn này không phải của Phật giáo là đúng không sai. Các pháp môn này đều là của tà giáo ngoại đạo, xin quý vị lưu ý.

Cho nên các hệ phái tôn giáo do các tổ Trung Quốc thành lập, cứ đem pháp môn tưởng giải của mình rồi gắn nhãn hiệu Phật giáo để lừa đảo tín đồ Phật giáo.

Một người sơ cơ mới vào đạo như quý vị Phật tử làm sao thấu hiểu pháp nào của Phật giáo và pháp nào của các tổ. Cho nên rất dễ làm lạc vì lừa dối của các tổ Trung Quốc.

Làm điều này các tổ sơ sót quên nghiên cứu Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo của Phật giáo nên khi Phật tử đã am tường giáo pháp này thì các tổ đã đánh mất niềm tin với tín đồ. Chính vì thế mà chúng tôi không còn tin kinh sách phát triển nữa.

Các tổ theo lối mòn kiến tưởng giải của các sư tổ mình trước kia tự dựng lên một sự giả dối ngoài sức tưởng tượng của con người. Họ cho rằng Phật giáo có 84 ngàn pháp môn. Gom hết các pháp của tất cả tôn giáo trên hành tinh này cũng không

có tới 1.000 pháp môn hướng hồ lại có đâu tới 84 ngàn pháp môn.

Cái sai của các Tổ sư Thiên Tông Trung Quốc cố đặt ra pháp môn rồi gán cho Phật giáo là không ai bắt bẻ. Nhưng Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo đã xác định đạo Phật có 37 pháp môn chứ không hơn.

Thiếu nghiên cứu về Phật giáo nên các tổ quên rằng đức Phật chỉ dạy tu tập ba bảy pháp môn mà thôi, ngoài ra không có pháp môn nào nữa cả. Cho nên các hệ phái tôn giáo, của Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng, Ấn Độ v.v... hay bất cứ một nước nào trên thế giới cũng không lừa gạt được quý vị.

Như vậy chúng ta biết rất rõ Thiên Tông và Tịnh Độ Tông là Phật giáo

Trung Quốc hoàn toàn chịu ảnh hưởng tinh thần tư tưởng và pháp hành của Nho giáo và Lão giáo. Cho nên Phật giáo Trung Quốc cũng không phải Phật giáo chuyên ròng của Phật giáo. Nhưng xét qua góc độ Nho giáo thì Nho giáo cũng không phải là Nho giáo chuyên ròng và Lão giáo cũng vậy nó cũng không chuyên ròng là Lão giáo. Cho nên Phật giáo truyền sang qua Trung Quốc đã bị ảnh hưởng với Nho giáo thì gọi là Đại Thừa, đã bị ảnh hưởng với Lão giáo thì gọi là Tối Thượng Thừa.

Như vậy, những pháp môn của các giáo phái này không phải là của Phật giáo chánh tông, vì nó đã bị lai căng theo Nho giáo và Lão giáo của Trung Quốc.

Từ khi Phật giáo Trung Quốc truyền sang qua Việt Nam đến nay chưa có một vị Hòa Thượng nào làm chủ sinh, già, bệnh, chết như đức Phật, thường quý vị chết trong bệnh tật đau khổ?

Khi hiểu biết được như vậy chúng ta muốn tu theo Phật giáo thì phải nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy do Hòa Thượng Minh Châu dịch ra Việt ngữ.

Trưởng Lão Thích Thông Lạc
kính ghi



Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có theo thứ tự tu tập từ các pháp thấp đến các pháp cao như sau:

- NGŨ CĂN gồm có:

1- Nhãn căn

2- Nhĩ căn

3- Tỷ căn

4- Thiệt căn

5- Thân căn

- NGŨ LỰC gồm có:

1- Tín lực

2- Tấn lực

3- Niệm Lực

4- Định lực

5- Tuệ lực

- TỬ VÔ LƯỢNG TÂM gồm có:

1- Từ Vô Lượng Tâm

2- Bi Vô Lượng Tâm

3- Hỷ Vô Lượng Tâm

4- Xả Vô Lượng Tâm

- TỬ BẤT HOẠI TỊNH gồm có:

1- Niệm Phật

2- Niệm Pháp

3- Niệm Tăng

4- Niệm Giới

- TỨ CHÁNH CẦN gồm có:

1- Ngăn ác

2- Diệt ác pháp

3- Sinh thiện

4- Tăng trưởng thiện pháp

- TỨ NIỆM XỬ gồm có:

1- Quán thân

2- Quán thọ

3- Quán tâm

4- Quán pháp

- THẤT GIÁC CHI gồm có:

1- Niệm Giác Chi

2- Tinh Tấn Giác Chi

3- Khinh An Giác Chi

4- Hỷ Giác Chi

5- Định Giác Chi

6- Xả Giác Chi

7- Trạch Pháp Giác Chi

- TỬ NHƯ Ý TỨC gồm có:

1- Dục Như Ý Túc

2- Tinh Tấn Như Ý Túc

3- Định Như Ý Túc

4- Tuệ Như Ý Túc

Bảng tóm lược trên đây đầy đủ Ba
Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo.





Ba pháp thứ nhất

Nữ Căn

NỮ CĂN gồm có:

- 1- Nhân căn tức là hai con mắt.
- 2- Nhĩ căn tức là hai lỗ tai.
- 3- Tỷ căn tức là hai lỗ mũi.
- 4- Thiệt căn tức là lưỡi miệng.

5- Thân căn tức là cơ thể.

Trên đây là NĂM CĂN trong cơ thể của chúng ta, nó thường phóng dật chạy theo sáu trần tạo ra muôn vàn sự đau khổ cho chúng ta, nên đức Phật dạy phương pháp đầu tiên là lấy NĂM CĂN tu tập. Đối với người mới bước chân vào đạo Phật mà không tu NĂM CĂN là tu tập sai pháp. Người mới vào tu tập mà lo tập ngồi thiền nhập định là không biết pháp tu.

Cho nên bất cứ một người nào mới đến với đạo Phật đều phải nghiên cứu Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo. Ba Mươi Bảy Pháp Môn này còn ghi chép trong kinh sách Nguyên Thủy được lưu giữ cho đến ngày nay.

Tóm lược pháp môn tu NĂM CĂN là pháp môn ĐỘC CỬ, đó là pháp để bảo vệ và hộ trì:

- 1- Hai con mắt
- 2- Hai lỗ tai
- 3- Hai lỗ mũi
- 4- Miệng
- 5- Thân

Muốn bảo vệ giữ gìn NĂM CĂN ấy được thanh tịnh thì không nên phóng dật. Muốn tâm không phóng dật thì phải sống MỘT MÌNH. Sống MỘT MÌNH là phương pháp tu tập NĂM CĂN. Nhờ sống MỘT MÌNH nên NĂM CĂN không tiếp xúc với các duyên bên ngoài mà kinh sách Phật giáo gọi là NĂM TRẦN (chỗ này dùng năm căn nên dùng năm trần, còn chỗ nào dùng sáu căn mới dùng sáu trần). Năm trần gồm có:

1- Sắc là tướng mạo hình sắc của vạn vật trong vũ trụ như cây cỏ, đất đá, núi sông, các loài vật lớn hay nhỏ và con người.

2- Thính là âm thanh, tiếng nói, tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng rên, tiếng la hay tiếng hét v.v...

3- Hương là mùi thơm mùi thối, mùi thơm nồng nực hay mùi thối khó chịu.

4- Vị là có mùi vị ngọt, bùi, cay, đắng, mặn, lạt.

5- Xúc là va chạm, sờ mó, sờ rẫm, xoa bóp.

Khi muốn sống **MỘT MÌNH** cho được trọn vẹn thì phải dùng pháp **NHƯ LÝ TÁC Ý** thường xuyên tác ý lôi các căn vào trong thân như sau:

1- Mắt phải nhìn vào trong thân.

2- Tai phải nghe vào trong thân.

3- Mũi phải ngửi mùi trong thân.

4- Lưỡi phải nếm vị cay, đắng, ngọt, bùi, mặn, lạt trong thân (miệng).

5- Thân phải cảm giác nóng, lạnh, mát mẻ, đau nhức trong thân.

Và cuối cùng tác ý: năm căn không được nhìn, nghe, ngửi, nếm, cảm giác năm trần bên ngoài mà hãy quay vào nhìn, nghe, ngửi, nếm, cảm giác trong thân.

Đó là cách thức tu tập để giữ gìn hạnh **ĐỘC CỬ** sống không bị phóng tâm, phóng dật.

Nếu người nào vào tu viện mà không giữ hạnh **ĐỘC CỬ** trọn vẹn thì nên xin về để ở trong gia đình tu tập lại. Khi nào sống **ĐỘC CỬ** được thì hãy xin vào tu viện tu tập, còn chưa sống được **độc cư** thì nên ở

trong gia đình tu pháp xả tâm ly dục ly bất thiện pháp.

ĐỘC CỬ là pháp phòng hộ năm căn như chúng tôi đã nói ở trên, pháp môn ĐỘC CỬ này rất quan trọng. Nhận xét người tu sĩ nào giữ gìn hạnh ĐỘC CỬ trọn vẹn là người tu sĩ tu tập có kết quả tốt, còn những vị nào phá hạnh ĐỘC CỬ thì biết ngay họ không tu tập được nên cho họ về sống đời đạo đức nhân bản - nhân quả trong gia đình còn có lợi ích cho mình cho người hơn.

Bắt đầu vào tu pháp môn NGŨ CĂN là phải sống ĐỘC CỬ nên biết ngay người tu được hay không tu được. Vì có sống ĐỘC CỬ là tu tập được, còn không sống ĐỘC CỬ là tu tập không được. Ở tu viện phần đông tu sĩ và cư sĩ đều rút ở giai đoạn đầu tu tập phòng hộ NĂM CĂN này.





Bai pháp thứ hai

Ngũ Lục

Ngũ lục gồm có:

- 1- Tín lục
- 2- Tấn lục
- 3- Niệm lục
- 4- Định lục
- 5- Tuệ lục

Khi tu tập pháp môn NĂM CĂN ở trên tức là dùng ý thức giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân thanh tịnh không cho NĂM CĂN chạy theo năm trần thì chúng ta đạt được năm thành quả, đó là NGŨ LỰC. NGŨ LỰC là pháp thứ II mà trong kinh sách Nguyên Thủy còn ghi lại và lưu giữ cho đến ngày nay.

Tóm lược pháp tu tập NGŨ LỰC, trước tiên chúng ta muốn tu tập TÍN LỰC thì phải hiểu nghĩa rõ ràng. TÍN LỰC có nghĩa là lòng tin sâu sắc đối với Phật pháp không bao giờ thay đổi, lòng tin bất di bất dịch dù cho ai chống trái bài bác Phật giáo chúng ta cũng không bao giờ nghe, không bao giờ thay lòng đổi dạ, chỉ biết tin vào pháp Phật.

Muốn có được lòng tin như vậy thì chúng ta phải sinh ra cùng thời với đức Phật ra đời hoặc phải sinh làm người được gặp một bậc tu chứng cũng làm chủ sinh, già, bệnh, chết như Phật.

Đó là điều cần thiết tạo nên TÍN LỰC, nếu không có điều kiện này thì dù

muốn dù không lòng tin của chúng ta không mạnh mẽ, chỉ tin một cách cạn cợt.

Người không đủ lòng tin dù có tu tập đúng pháp của Phật thì cũng chỉ tu tập lấy có, thường phá hạnh độc cư, đi nói chuyện người này đến người khác. Những người này hiện thân là MA BA TUẦN trong Phật giáo thường đi đến thất người này rồi đến thất người khác làm cho mọi người không ai tu tập được.

Khi thấy những loại MA BA TUẦN này thì quý thầy, quý cô nên đóng cửa thất không tiếp giao, đừng ở gần nên tránh xa, tránh xa những người này như tránh xa vi trùng bệnh truyền nhiễm.

Trong chúng chỉ có một con MA BA TUẦN thì trong chúng đó phải cẩn thận khi thấy bóng dáng con MA đó thì nên đóng cửa thất cho chặt và ngồi thiền nhiếp tâm bất động để vượt qua loài Ma Quỷ.

Những hành động tránh xa loài MA BA TUẦN là nói lên lòng tin của mình đối với Phật pháp không lay chuyển, còn ngược lại những người không có lòng tin hay lòng tin chưa đủ thường mở cửa thất ra tiếp

duyên. Đó là những người thích nói chuyện với những loài ma này. Quý vị nên lưu ý.

Vì con đường tu theo Phật giáo không khó nhưng khó là do MA BA TUẦN cảm dỗ quý vị để phá hạnh ĐỘC CỬ khiến cho tâm quý vị thường bị phóng dật.

Khi có lòng tin sâu Phật pháp thì quý vị rất siêng năng tu tập không bao giờ biếng trễ. Khi có lòng tin thì mới có cố gắng tu tập. Sự cố gắng nỗ lực tu tập hết mình thì gọi là TẤN LỰC. Khi hằng ngày nỗ lực nhiếp tâm tu tập đúng pháp không hề sai sót một niệm nào cả, luôn luôn duy nhất có một niệm TÂM BẤT ĐỘNG từ giờ này đến giờ khác, từ đó niệm này trở thành một sức lực của niệm nên gọi là NIỆM LỰC. Khi niệm có lực chúng ta chỉ cần niệm là toàn cả thân tâm chúng ta gom lại thành một khối duy nhất không ai làm gì nó bị phân ra được nên gọi là ĐỊNH LỰC. Khi thân tâm gom lại thành một định lực thì trong khối định lực đó có một sự hiểu biết vượt ra khỏi không gian và thời gian. Sự hiểu biết không còn bị lệ thuộc vào không gian và thời gian được gọi là TUỆ LỰC. Đến đây chúng ta đã có đủ năm lực.

NGŨ LỰC này có được là do chúng ta tập NGŨ CĂN, khi ngũ căn thanh tịnh thì NGŨ LỰC xuất hiện đầy đủ. Tuy nói vậy chớ trên đường tu tập NGŨ CĂN khi tu tập một căn nào thanh tịnh thì nơi căn đó xuất hiện đầy đủ NGŨ LỰC. Cho nên NGŨ CĂN và NGŨ LỰC là những pháp đầu tiên tu theo Phật giáo, nếu chưa tu tập NGŨ CĂN, NGŨ LỰC mà tu tập pháp nào cũng mất căn bản vì vậy quý vị nên nhớ.

Có nhiều người bắt đầu tu tập mà không tu tập những pháp căn bản như NGŨ CĂN và NGŨ LỰC lại tu tập thiền định hoặc niệm Phật nhất tâm cầu vãng sinh Cực Lạc Tây Phương hoặc tham thoại đầu, công án hoặc niệm chú hoặc tụng kinh Pháp Hoa. Những điều tu tập như vậy chứng tỏ người tu tập không rõ đường đi lối về của Phật giáo. Do tu tập sai pháp như vậy nên dù có tu tập ngàn đời muôn kiếp cũng chẳng tu tập đến đâu. Một bằng chứng hiện giờ cho chúng ta biết có bao nhiêu tu sĩ cũng như cư sĩ tu tập hết sức nhưng cũng chẳng có một người nào tu làm chủ SINH, GIÀ, BỆNH, CHẾT, vì đó là tu sai pháp không đúng Phật pháp. Đọc tiểu sử DANH TẶNG

VIỆT NAM tập I, tập II có trên mấy trăm vị cao tăng Việt Nam nhìn lại chỉ là những nhà học giả nhất là những vị có lối sống kỳ đặc khác thường khiến cho người đời tưởng là chứng đạo, chớ xét kỹ theo đúng pháp của Phật thì chưa có một vị nào tu tập đến đâu cả. Kinh sách của các Ngài viết chỉ là kiến giải theo kinh nghiệm bản thân của mình không giống chút nào của Phật dạy, nhất là lặp lại ý nghĩa kinh sách của Tổ xưa để lại, chỉ là những lý thuyết suông, không có kinh nghiệm trong tu hành làm chủ sinh, già, bệnh, chết. Vì thế những kinh sách này toàn là kinh tưởng.

Khi đọc cuốn DANH TĂNG VIỆT NAM chúng tôi rất xấu hổ, là những danh tăng Việt Nam chỉ là kiến thức hữu học thế gian huân tập những kiến thức trong kinh sách Đại Thừa của các học giả Trung Hoa, chớ Kinh sách Phật giáo của Việt Nam chẳng có cuốn sách nào cả. Ngay cả dòng Thiền lớn nhất của Việt Nam TRÚC LÂM YÊN TỬ cũng chịu ảnh hưởng THIỀN TÔNG và TỊNH ĐỘ TÔNG Trung Hoa. Việc khéo léo thiện xảo của vua Trần Nhân Tông biết hợp hai giáo pháp của hai tông phái

lớn nhất của Trung Quốc này lại lập thành pháp môn tu hành cho dòng thiền TRÚC LÂM Việt Nam. Có những người không hiểu biết mới hãnh diện cho rằng Việt Nam cũng có dòng thiền không thua vì Trung Quốc, chớ kỳ thật Thiền Tông Việt Nam, THIÊN chẳng ra THIÊN mà TỊNH thì chẳng ra TỊNH.

THIÊN gì mà còn tụng niệm (Tâm kinh bát nhã). TỊNH gì mà còn tham công án, tham thoại đầu, biết vọng liền buông. Có lẽ đây là THIÊN TỊNH song tu, THIÊN TỊNH song tu đó là lời nói che đậy sự tu hành của THIÊN TÔNG VIỆT NAM bị bế tắc.

Đọc hết kinh sách Phật giáo và Thiền Tông Việt Nam chúng tôi chẳng thấy có một cuốn sách nào là của Việt Nam cả toàn là lai căng ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo và Thiền Tông Trung Quốc.

Tại sao một dân tộc Việt Nam có một nền văn hóa riêng biệt không thua vì văn hóa các nước trên thế giới, thế mà bị ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc rất nặng không tự mình vươn lên xây dựng cho mình

một nền văn hóa đạo đức Phật giáo mà không chịu ảnh hưởng Phật giáo Ấn Độ và Trung Quốc và bất cứ một nước nào mang Phật giáo đến với đất nước chúng ta.

Đọc lịch sử Phật giáo Việt Nam chúng ta thấy rất rõ Phật giáo truyền vào Việt Nam đi vào ba ngõ:

- 1- Ngõ thứ nhất từ Trung Hoa đến.
- 2- Ngõ thứ hai từ Ấn Độ sang.
- 3- Ngõ thứ ba từ Lào, Thái Lan và Campuchia sang.

Từ Trung Hoa truyền đến Việt Nam có hai dòng tư tưởng Phật giáo:

Dòng tư tưởng thứ nhất, đó là Phật giáo Tịnh Độ Tông do ảnh hưởng Nho giáo nên dòng tư tưởng mang tính chất mê tín hoang đường lạc hậu thường hướng dẫn giới bình dân vì giới này dễ tin.

Như chúng ta ai cũng biết Phật giáo Tịnh Độ Tông từ Trung Quốc truyền sang Việt Nam là dòng tư tưởng mê tín. Đó là một Phật giáo không còn nguyên chất Phật giáo Ấn Độ, nó chịu ảnh hưởng tư tưởng Khổng giáo, Trang Tử Trung Quốc, mà sinh

ra một loại Phật giáo mê tín, lạc hậu thường lấy sự cúng bái, tụng niệm làm công phu tu hành của mình. Cho nên khi có bệnh tật hay tai nạn thì tụng kinh cầu an, nếu có người chết làm ma chay thì tụng niệm kinh cầu siêu. Khi tụng niệm kinh cầu siêu thường đánh chuông, khỏ mõ, và trống kèn, đàn nhạc theo giọng tụng kinh niệm Phật ê, a giống như ca hát mà các nhạc sư gọi NHẠC ĐẠO.

Chính vì muốn ru hồn người vào cảnh mộng nên các nhà sư Đại Thừa mới xây dựng một thế giới siêu hình Cực Lạc Tây Phương để linh hồn người chết có chỗ nương tựa. Cho nên lấy sự cúng bái tụng niệm làm đường công phu: Trưa, chiều, tối khuya, chuông, mõ, trống, phách, đẩu nhịp nhàng theo giọng tụng niệm cao thấp ngâm nga giống như hát bộ.

PHẬT GIÁO TỊNH ĐỘ TÔNG từ Trung Hoa truyền sang qua Việt Nam gây ảnh hưởng tư tưởng mê tín rất nặng cho cả một dân tộc Việt Nam cho đến ngày nay đã trở thành một nếp sống tư tưởng văn hóa mê tín lạc hậu.

Cho nên hiện giờ muốn bỏ một truyền thống văn hóa mê tín không phải dễ. Đó là một việc làm hết sức khó khăn. Trong những năm phong trào Việt Minh nổi dậy ra lệnh cấm dẹp những mê tín này nhưng khi phong trào Việt Minh thay đổi thì nạn mê tín lại tràn lan khắp nơi còn nhiều hơn nữa.

Theo chúng tôi nghĩ muốn dẹp trừ tư tưởng Phật giáo mê tín thì không có gì bằng là nên mở những lớp học đạo đức nhân bản - nhân quả khiến mọi người am hiểu đâu là chánh tín và đâu là mê tín. Nhờ có sự hiểu biết Chánh tín của Phật giáo thì tệ nạn mê tín trong dân gian sẽ dần dần được quét sạch. Nói về tư tưởng mê tín được truyền thừa lâu đời thì không có một thế lực hay một quyền uy nào mà cấm được, chỉ có ý thức con người biết nó là mê tín thì mới dẹp bỏ được. Dòng tư tưởng mê tín này đã trở thành một nền văn hóa của dân tộc Việt Nam. Cho nên hiện giờ muốn dẹp bỏ những mê tín lạc hậu này thì bắt đầu phải biên soạn sách giáo khoa đạo đức nhân bản - nhân quả từ tiểu học, trung học và đại học

để giúp các em am tường những mê tín lạc hậu đó từ đất nước Trung Quốc truyền sang.

Dân tộc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng dòng tư tưởng văn hóa của Phật giáo mê tín Trung Quốc truyền sang mà đến giờ này muốn bỏ mà chưa bỏ được, nhìn cảnh đồng bào dân tộc chúng ta đã hao tốn biết bao nhiêu tiền bạc mua vàng mã để rồi đem thiêu đốt, nếu hàng năm trong cả nước tính ra phải tiêu phí có hàng tỷ bạc về vấn đề mê tín lạc hậu này thật là đau lòng.

Dòng tư tưởng thứ hai đó là Phật Thiên Tông chịu ảnh hưởng tư tưởng Lão giáo nên dòng tư tưởng này mang tính triết lý hướng dẫn giới trí thức nên thường dùng lý luận đề cao triết học TÁNH KHÔNG, nhờ triết học tánh không nên dễ thu hút giới trí thức.

Phật giáo THIÊN TÔNG lấy lý luận dẫn chứng khoa học làm chỗ dựa vững chắc nên dễ lừa gạt giới trí thức một cách dễ dàng, nhất là khi truyền sang qua Nhật Bản được người Nhật triển khai tận cùng loại tư tưởng Phật giáo này.

Đại diện cho Phật giáo Thiên Tông Nhật Bản có đại sư SUZUKI, ông đã viết sách thiên làm nổi sóng các nước Đông Nam Á Châu. Từ năm 1970 đến năm 1980 người ta hưởng về Thiên Tông như làn sóng ào ạt, nhưng từ năm 1980 đến nay làn sóng thiên Tông mới lần lần xuống cấp. Bởi vì THIÊN TÔNG lý luật rất hay nhưng tu chứng đạo thiên thì không ai tu tập được. Có đạt được cũng chỉ lọt vào trạng thái KHÔNG TƯỞNG.

Qua mọi sự kiện trên chúng ta nên lưu ý pháp môn nào tu tập được và pháp môn nào tu tập không được. Mục đích tu tập của Phật giáo không phải diệt ý thức. Vì ý thức vốn là điều kiện cần thiết cho sự làm chủ thân tâm nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy: “Ý làm chủ, ý tạo tác, ý dẫn đầu các pháp”. Nếu ý thức bị ức chế như Tịnh Độ Tông, Thiên Tông và Mật Tông thì đó là tu tập sai pháp của Phật giáo. Phật giáo lấy ý thức dẫn tâm vào đạo. Cho nên đạo Phật mới có pháp môn NHƯ LÝ TÁC Ý như lời đức Phật đã dạy trong kinh LẬU HOẶC: “CÓ NHƯ LÝ TÁC Ý LẬU HOẶC CHƯA SINH SẼ KHÔNG SINH MÀ ĐÃ SINH THÌ

BỊ DIỆT”. Câu này dạy quá rõ ràng, nhờ đó chúng ta mới biết Phật giáo Thiên Tông và Phật giáo Tịnh Độ Tông Trung Quốc không phải là Phật dạy mà do các tổ Trung Quốc tu hành chưa tới nơi tới chốn rồi kiến giải viết ra kinh sách theo kinh nghiệm tu tập của mình.

Khi văn hóa Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang thì người Trung Quốc mượn nền văn hóa đó khéo tự chế biến thành một nền văn hóa Phật giáo Trung Quốc làm dồi dào cho văn hóa đất nước mình, thật là tuyệt vời.

- Ngõ thứ hai từ Ấn Độ Phật giáo truyền sang vào miền Bắc đất nước ta, nhưng dân tộc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc nên họ không theo, vì thế các nhà sư Ấn Độ trở về nước. Do những điều kiện này mà di tích văn hóa Phật giáo Ấn Độ không có lưu lại đền tháp chùa ở miền Bắc Việt Nam.

- Ngõ thứ ba Phật giáo Nam Tông từ Lào, Thái Lan, Campuchia truyền sang, vì thế mà những tỉnh sát ranh giới Campuchia, Lào có một số người theo tu

tập, nhưng phần đông họ là người Việt lai Campuchia, chớ người Việt chính gốc thì không theo.

Như vậy chúng ta thấy rất rõ dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hóa Phật giáo Trung Quốc rất sâu nặng, không thể có một tư tưởng Phật giáo nào làm thay đổi tư tưởng họ được.

Như chúng ta ai cũng biết, nếu dựa theo dòng lịch sử Phật giáo truyền sang qua đất nước chúng ta thì Phật giáo không còn là của Phật giáo chính gốc nữa mà là một Phật giáo lai căng. Phật giáo lai căng là một loại Phật giáo tu hành uổng công vô ích vì tu hành chẳng đến đâu cả mà còn làm hao tốn tiền của một cách vô ích...

Phật giáo hiện giờ là Phật giáo Bà La Môn giáo, cho nên không ai tu chúng làm chủ sinh, già, bệnh, chết được, nếu chúng tôi không ra công dựng lại Chánh pháp của Phật, chắc không còn ai biết Phật giáo chân chánh gì nữa.

Cho nên nói NGŨ LỰC mà nhận ra đúng Chánh pháp của Phật thì tu tập lần lượt xuất hiện đủ NĂM LỰC, còn nhận ra

không đúng Chánh pháp của Phật thì khó có NĂM LỰC được. Tại sao vậy?

Vì lòng tin phải đặt đúng chánh Pháp của Phật thì siêng năng tu tập mới có kết quả tốt đẹp, còn không đúng chánh pháp của Phật thì tu tập không bao giờ có kết quả nên dù có siêng năng cũng chỉ một thời gian mà thôi. Chính siêng năng là nhờ tu tập có kết quả, còn tu tập không kết quả thì không sao siêng năng được. Phải không quý vị?

Khi tu tập siêng năng đúng pháp thì NIỆM LỰC hiện tiền mà niệm lực hiện tiền từ giờ này sang giờ khác thì đó là ĐỊNH LỰC. Khi định lực ngự trị trong tâm chúng ta suốt bảy ngày đêm thì tâm rất thanh tịnh, giống như nước hồ trong xanh, vì thế tất cả mọi sự việc trong quá khứ hay tương lai khi chúng ta muốn biết thì chúng hiện ra rất rõ. Do đó mà danh từ trong kinh Phật gọi đó là TUỆ LỰC.

Tới đây con đường tu tập của chúng ta đã hoàn mãn tâm luôn luôn BẤT ĐỘNG. Do sự bất động này mà người tu hành làm chủ sự sống chết dễ như trở bàn tay.

Tuy Ba Mươi Bảy phẩm Trợ đạo mà không phải tu tuần tự theo pháp mà nên chọn pháp nào phù hợp với đặc tướng của mình mà tu tập thì chứng đạo ở pháp đó chớ không phải tu hết cả Ba Mươi Bảy Pháp Môn.

Cho nên khi vào tu tập chúng ta nên chọn pháp phòng hộ sáu căn rồi lấy CHÂN LÝ DIỆT ĐẾ, ôm chặt pháp NGŨ LỰC tu tập đến khi TUỆ LỰC xuất hiện thì chúng ta thành công.

Nếu chúng ta không chọn pháp NGŨ CĂN và NGŨ LỰC tu tập thì chúng ta nên chọn pháp môn TỬ VÔ LƯỢNG TÂM đây là pháp thứ ba của Phật giáo trong 37 pháp tu tập.





Tứ Vô Lượng Tâm gồm có:

- 1- Từ Vô Lượng Tâm
- 2- Bi Vô Lượng Tâm
- 3- Hỷ Vô Lượng Tâm
- 4- Xả Vô Lượng Tâm

Trên đây là bốn pháp, Tứ Vô Lượng Tâm là pháp thứ ba của Phật giáo trong Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo. Khi tu tập bốn pháp này giúp cho tâm chúng ta mở rộng LÒNG YÊU THƯƠNG đến với muôn loài. Nhờ LÒNG YÊU THƯƠNG ấy mà không có một ác pháp nào tác động vào thân tâm chúng ta được, tức là chúng ta biết buông xả mọi ác pháp bằng LÒNG THƯƠNG YÊU. Cho nên gọi nó là TỬ VÔ LƯỢNG TÂM nghĩa là pháp môn dạy chúng ta mở rộng lòng thương yêu rộng lớn như đất trời.

TỬ VÔ LƯỢNG TÂM chỉ có Phật giáo mới có mà thôi, nó còn ghi lại trong kinh sách Nguyên Thủy cho đến ngày nay. Nếu quý vị không đủ lòng tin thì hãy tìm ngay kinh tạng Pali do Hòa Thượng Minh Châu dịch.

Bắt đầu tu tập TỬ VÔ LƯỢNG TÂM thì nên tu tập tâm từ. TỬ VÔ LƯỢNG TÂM có nghĩa là LÒNG YÊU THƯƠNG rộng lớn như đất trời phủ trùm vạn vật không chỗ nào là không có LÒNG THƯƠNG YÊU ấy.

LÒNG YÊU THƯƠNG ấy không có một vật gì mà không thương yêu, thương

yêu từ cây cỏ đất đá núi sông, từ không khí ánh sáng mặt trời mặt trăng, các tinh tú ngày đêm đều thương yêu cả.

TỪ VÔ LƯỢNG TÂM có nghĩa là LÒNG YÊU THƯƠNG tất cả muôn loài còn đang sống, còn đang hít thở không khí, còn đang hoạt động, rung động theo không gian và thời gian.

Người tu tập lòng TỪ VÔ LƯỢNG TÂM là người tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác, nhờ có TỈNH GIÁC nên chúng ta mới thực hiện TỪ VÔ LƯỢNG TÂM, nhờ có TỪ TÂM VÔ LƯỢNG chúng ta mới buông xả tất cả ác pháp một cách dễ dàng.

Khi thực hiện được TỪ TÂM VÔ LƯỢNG thì đồng thời là BI TÂM VÔ LƯỢNG, HỖ TÂM VÔ LƯỢNG và XẢ TÂM VÔ LƯỢNG cũng xuất hiện một lượt.

TỬ VÔ LƯỢNG TÂM tuy nói là bốn pháp, nhưng chỉ tu tập thành tựu một pháp là ba pháp kia đều xuất hiện đủ. Đây gọi là một chùm pháp, chúng ta nên chọn một trong bốn pháp này, pháp nào mà mình ưa thích nhất là pháp đó đúng đặc tính của mình.

Nếu chúng ta có duyên với pháp môn TỪ VÔ LƯỢNG TÂM thì tu tập rất thích thú và kết quả tu tập đâu là đạt được ngay liền. Còn nếu chúng ta tu tập mà không có kết quả tức là chúng không có duyên với pháp môn này thì chúng ta nên thay đổi pháp tu tập. Chúng ta nên chuyển qua tu tập pháp môn NIỆM PHẬT TỬ BẤT HOẠI TỊNH. NIỆM PHẬT TỬ BẤT HOẠI TỊNH. là pháp thứ tư trong ba mươi bảy pháp tu tập của Phật giáo.

Pháp môn NIỆM PHẬT TỬ BẤT HOẠI TỊNH là một pháp môn mà người ta lầm tưởng là pháp môn Tịnh Độ, Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn niệm danh hiệu Phật Di Đà, dùng câu Di Đà ức chế ý thức để tưởng thức xuất hiện hoạt động, nên trong kinh Di Đà dạy: ***“Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền”***. Câu này có nghĩa là niệm Phật Di Đà bảy ngày đêm tâm không loạn thì sẽ thấy cảnh giới Cực Lạc Tây Phương và Thánh chúng. Khi chúng ta ức chế ý thức không hoạt động thì liền ngay đó tưởng thức hoạt động, khi tưởng thức hoạt động thì một thế giới ảo

xuất hiện như cảnh giới trong giấc chiêm bao.





Ba pháp thứ tư

Tứ bất hoại tịnh

1- **N**iệm Phật

2- Niệm Pháp

3- Niệm Tăng

4- Niệm Giới

Trên đây là BỐN pháp, pháp thứ tư của Phật giáo theo lời dạy của Phật còn ghi

lại trong kinh sách Nguyên Thủy. Bốn pháp niệm Phật này không giống pháp môn niệm Phật trong kinh sách Đại Thừa. Bốn pháp môn niệm Phật này dạy chúng ta sống như Phật, sống như các pháp, sống như chúng thánh Tăng đệ tử của Phật và sống như giới luật.

Chữ niệm ở đây không có nghĩa là niệm làm thâm trong miệng mà chữ niệm ở đây có nghĩa là bất chước, làm theo từng hành động cho đúng những oai nghi chánh hạnh của những bậc chân tu.

Trong bốn pháp môn này cũng là một chùm pháp, nếu chúng ta chỉ cần tu một pháp trong bốn pháp này thì cũng thành tựu luôn cả bốn pháp kia, vì một pháp là cả bốn pháp.

Ví dụ: Tu tập pháp thứ nhất là NIỆM PHẬT trong pháp môn TỬ BẤT HOẠI TỊNH thì cũng giống như tu tập NIỆM PHÁP, NIỆM TĂNG và NIỆM GIỚI. Cho nên tuy nói là bốn pháp, có bốn tên khác nhau nhưng khi thực hành thì trong bốn pháp này không khác nhau. NIỆM PHẬT cũng giống như NIỆM PHÁP, NIỆM PHÁP cũng giống như NIỆM TĂNG, NIỆM TĂNG

cũng giống như NIỆM GIỚI, vì Phật sống như PHÁP, như GIỚI và như CHÚNG THÁNH TĂNG. Cho nên người sống giống như Phật là người sống không sai PHÁP, người sống không sai PHÁP là người sống không sai khác CHÚNG THÁNH TĂNG; sống không sai khác CHÚNG THÁNH TĂNG là sống đúng GIỚI LUẬT.

Muốn tu tập pháp môn NIỆM PHẬT TỬ BẤT HOẠI TỊNH thì chỉ tu một pháp môn NIỆM PHẬT mà thành tựu bốn pháp: niệm PHẬT, niệm PHÁP, niệm TĂNG, niệm GIỚI.

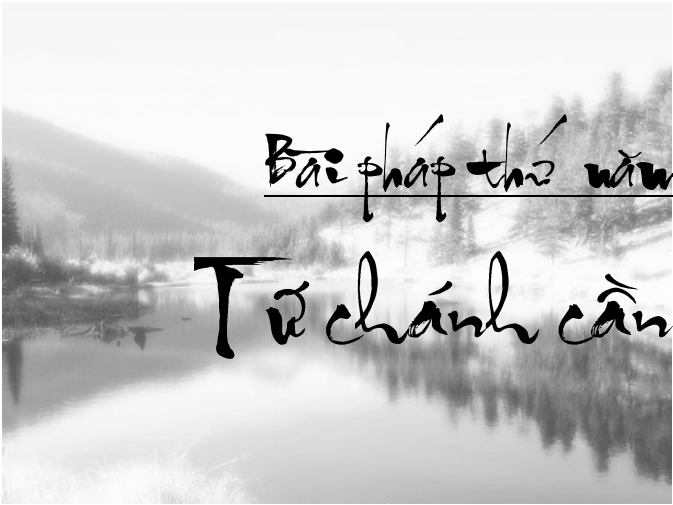
Khi tu tập NIỆM PHẬT TỬ BẤT HOẠI không hợp với đặc tướng của mình nên thường bị niệm vọng tưởng khởi hay bị hôn trầm, thù miên, vô ký và ngoan không tấn công thì chúng ta nên thay đổi pháp tu tập. Thay đổi pháp tu tập thì chúng ta tu tập ngay pháp môn TỬ CHÁNH CẦN.

Tuy pháp môn TỬ CHÁNH CẦN có bốn pháp tu tập, nhưng kỳ thực chỉ tu tập một pháp mà thôi.

Dưới đây là pháp môn tu tập TỬ CHÁNH CẦN. Pháp môn TỬ CHÁNH CẦN

là pháp thứ năm trong Ba Mười Bảy Phẩm
Trợ Đạo của Phật giáo.





7 ứ Chánh Cần gồm có:

- 1- Ngăn ác pháp
- 2- Diệt ác pháp
- 3- Sinh thiện pháp
- 4- Tăng trưởng thiện pháp

Trên đây là bốn pháp tu tập của pháp môn TỬ CHÁNH CẦN. Pháp môn TỬ CHÁNH CẦN là pháp môn thứ năm của Phật giáo theo lời dạy của đức Phật còn ghi lại trong kinh sách Nguyên Thủy.

Bốn pháp này rất quan trọng trong sự tu tập theo Phật giáo. Đây là một phương pháp giúp cho người tu sĩ Phật giáo hằng ngày sống trong thiện pháp, sống trong tâm BẤT ĐỘNG.

Ai cũng biết mục đích của Phật giáo là sống trong tâm BẤT ĐỘNG. Muốn tâm BẤT ĐỘNG thì hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày phải siêng năng tu tập NGĂN ÁC, ngăn ác pháp tức là ngăn từng tâm niệm THAM, SÂN, SI, MẠN, NGHI. Khi có niệm khởi lên trong tâm thì hãy mau mau dùng pháp NHƯ LÝ TÁC Ý làm cho niệm đó dừng lại và tan biến mất. Khi niệm đó dừng lại và tan biến mất thì để lại một khoảng thời gian ngắn trong tâm BẤT ĐỘNG rồi có niệm khác khởi lên, khi có niệm khác khởi lên như vậy thì chúng ta lại tác ý ngăn chặn niệm ấy thì niệm ấy dừng lại và tan biến mất, lúc bấy giờ để lại cho

tâm chúng ta **BẤT ĐỘNG** một khoảng thời gian ngắn nữa.

Hằng ngày chúng ta chỉ cần tu tập một pháp **NGĂN ÁC** là có đủ bốn pháp **DIỆT ÁC, SINH THIỆN, TĂNG TRƯỞNG THIỆN PHÁP**. Cho nên tu tập **TỨ CHÁNH CẦN** không phải tu cả bốn pháp mà chỉ tu tập một pháp mà thôi.

Khi vào tu tập chúng ta nên lấy pháp môn đầu tiên của **TỨ CHÁNH CẦN** mà tu tập đó là pháp môn **NGĂN ÁC**.

NGĂN ÁC tức là ngăn các niệm khởi, nhưng trong tâm chúng ta có niệm thiện khởi thì chúng ta phải làm sao?

Dù niệm đó thiện nhưng vì tâm chúng ta chưa ly dục ly ác pháp hết nên thiện đó vẫn còn là ác pháp chớ không phải là thiện pháp thật sự.

Hiện giờ trong tâm chúng ta có một niệm thiện duy nhất đó là niệm thiện tâm **BẤT ĐỘNG**. Cho nên trong pháp môn **TỨ CHÁNH CẦN** dạy **SINH THIỆN TĂNG TRƯỞNG THIỆN**, tức là niệm thiện **TÂM BẤT ĐỘNG**, niệm này thì không nên diệt mà phải tăng trưởng sống cho được với

TÂM BẤT ĐỘNG này, còn tất cả niệm thiện khác đều diệt sạch. Nhưng khi tâm khởi ra niệm thì phải mau mau đình chỉ không cho chúng hoạt động, do ngăn các niệm khởi nên tâm sẽ BẤT ĐỘNG.

Tâm sẽ BẤT ĐỘNG là chúng ta đã đạt được mục đích giải thoát của Phật giáo. Vì thế chúng ta chỉ cần tu một pháp mà thôi, pháp NGĂN ÁC là đủ rồi. Cho nên nói tu tập TỬ CHÁNH CẦN chớ thực ra chỉ có tu tập pháp NGĂN ÁC. Pháp NGĂN ÁC là pháp đầu tiên trong bốn pháp của pháp môn TỬ CHÁNH CẦN. Xin quý vị lưu ý trong khi tu tập pháp môn này.

Con đường tu tập theo Phật giáo nếu không tu tập pháp môn TỬ CHÁNH CẦN thì không bao giờ tu tập pháp nào có giải thoát cả, vì pháp môn TỬ CHÁNH CẦN rất quan trọng, nó là đệ nhất pháp XẢ TÂM của Phật giáo. Cho nên những ai không tu tập TỬ CHÁNH CẦN mà tu tập các pháp môn khác là không biết đường lối tu tập của Phật giáo. Không biết đường lối của Phật giáo mà tu tập thì tu tập sai làm mất căn bản con đường tu tập của mình.

Pháp môn TỬ CHÁNH CẦN như đội quân tiên phong luôn luôn đi trước khai sơn phá thạch để cho cả một quân đoàn thiện chiến tiến sâu vào căn cứ giặc, nhờ đó nó mới san bằng những căn cứ của giặc để TỬ NIỆM XỨ đến thành lập chánh quyền cai trị.

Cho nên những ai tu tập pháp môn TỬ NIỆM XỨ mà chưa tu tập pháp môn TỬ CHÁNH CẦN là không biết đường lối tu tập. Tu như vậy là sai, chẳng bao giờ có giải thoát, vì tu lộn ngược pháp, pháp trước ra sau pháp sau ra trước.

Xin lưu ý quý vị pháp môn TỬ CHÁNH CẦN bao giờ cũng tu tập trước pháp môn TỬ NIỆM XỨ.





Baipháp thứ sáu

Tứ niệm xứ

7

ứ Niệm Xứ gồm có:

- 1- Quán thân trên thân
- 2- Quán thọ trên thọ
- 3- Quán tâm trên tâm
- 4- Quán pháp trên pháp

Pháp môn TỬ NIỆM XỨ là một pháp môn tu tập để chứng đạo, pháp môn này là một pháp môn rất quan trọng cho sự chứng đạo, nếu ai không tu tập pháp môn này thì không bao giờ chứng đạo, cho nên chúng ta cần phải thông suốt đường lối tu tập như thế nào đúng và như thế nào sai.

Một lần nữa chúng tôi xin nhắc quý vị: phải tu tập pháp môn TỬ CHÁNH CẦN rồi sau mới tu tập đến pháp môn TỬ NIỆM XỨ, nếu không biết thì đừng tu tập mà có tu tập thì chỉ uống công mà thôi.

Đừng nghe nói pháp môn TỬ NIỆM XỨ mà ham tu cao. Pháp môn TỬ NIỆM XỨ dành cho những bậc giới luật nghiêm túc, dành cho những bậc tâm đã BẤT ĐỘNG trước các ác pháp và các cảm thọ, chớ không phải pháp môn này ai cũng muốn tu tập là tu tập được. Nếu quý vị tu tập mà không biết khả năng trình độ của mình thì đó là tu tập sai pháp xin quý vị cần quan tâm.

Dưới đây là pháp môn TỬ NIỆM XỨ, một pháp môn dành cho những người đã tu

tập xong NGŨ CĂN, NGŨ LỰC và TỨ CHÁNH CĂN.

TỨ NIỆM XỨ là pháp môn thứ sáu của Phật giáo theo lời dạy của đức Phật còn ghi lại trong kinh sách Nguyên Thủy. TỨ NIỆM XỨ theo BÁT CHÁNH ĐẠO thì nó là CHÁNH NIỆM. Vậy trạng thái CHÁNH NIỆM như thế nào?

Trạng thái CHÁNH NIỆM là một trạng thái tâm BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ, tâm luôn luôn tỉnh giác trên bốn chỗ THÂN, THỌ, TÂM, PHÁP. Cho nên TỨ NIỆM XỨ gọi là TRÊN THÂN QUÁN THÂN. Tuy nói rằng trên thân quán thân nhưng sự thật là trên THÂN quán cả bốn chỗ THÂN, THỌ, TÂM, PHÁP.

Tuy nói bốn pháp chớ khi tu tập chỉ có tu tập một pháp TRÊN THÂN QUÁN THÂN mà thôi.

Pháp môn TỨ NIỆM XỨ là pháp môn nhiếp tâm BẤT ĐỘNG cuối cùng của Phật giáo, vì chính người tu tập sống được với tâm BẤT ĐỘNG là đã chứng đạo. Ở đây không còn tu pháp môn nào khác nữa. Cho

nên pháp môn TỨ NIỆM XỨ được xem là pháp môn tu tập cuối cùng của Phật giáo gọi là CHÁNH NIỆM. Nơi đây tất cả năng lực làm chủ thân tâm sẽ được xuất hiện trên mảnh đất BẤT ĐỘNG. BẢY GIÁC CHI cũng xuất hiện đầy đủ trên tâm BẤT ĐỘNG này. Vì thế quý vị đừng vội vàng tu tập TỨ NIỆM XỨ mà nên xét lại tâm mình đã BẤT ĐỘNG chưa, nếu tâm BẤT ĐỘNG thì mới tu tập TỨ NIỆM XỨ, còn chưa thì nên trở lại tu tập pháp môn TỨ CHÁNH CĂN.





- 1- **N**iệm Giác Chi
- 2- Tinh Tấn Giác Chi
- 3- Khinh An Giác Chi
- 4- Hỷ Giác Chi
- 5- Định Giác Chi

6- Xả Giác Chi

7- Trạch pháp Giác Chi

Trên đây là BẢY pháp, pháp thứ bảy của Phật giáo theo lời dạy của đức Phật còn ghi lại trong kinh sách Nguyên Thủy.

Khi chúng ta tu tập tác ý tâm BẤT ĐỘNG mà chỉ còn có một tâm BẤT ĐỘNG từ giờ này đến giờ khác mà không có một niệm nào xen vào chỗ tâm BẤT ĐỘNG là chúng ta đã đạt được NIỆM GIÁC CHI. NIỆM GIÁC CHI tức là tâm BẤT ĐỘNG trên TỬ NIỆM XỬ (trên thân quán thân).

Lúc nào chúng ta cũng thấy siêng năng trong trạng thái thân tâm BẤT ĐỘNG trên TỬ NIỆM XỬ thì đó là TINH TẤN GIÁC CHI xuất hiện. Trên trạng thái TINH TẤN GIÁC CHI xuất hiện tâm BẤT ĐỘNG, AN LẠC, NHỆ NHÀNG thì đó là KHINH AN GIÁC CHI xuất hiện. Trên trạng thái KHINH AN, GIÁC CHI có một niềm vui hoan hỷ thì đó là HỖ GIÁC CHI xuất hiện. Trên trạng thái HỖ GIÁC CHI kéo dài từ ngày này sang ngày khác mà không mất trạng thái này là ĐỊNH GIÁC CHI xuất hiện. Trên trạng thái ĐỊNH GIÁC

CHI này kéo dài mãi suốt bảy ngày đêm, không có một niệm nào xen vô xen ra thì đó là XẢ GIÁC CHI. Khi XẢ GIÁC CHI xuất hiện thì tâm ly dục ly ác pháp hoàn toàn, lúc bấy giờ tâm không còn ngũ triền cái và bảy kiết sử nữa. Khi NGŨ TRIỀN CÁI và THẤT KIẾT SỬ bị diệt trừ tận gốc thì TRẠCH PHÁP GIÁC CHI xuất hiện. Khi TRẠCH PHÁP GIÁC CHI xuất hiện thì tâm chúng ta đầy đủ TỨ NHƯ Ý TỨC.





1- **Đ**ĩnh Như Ý Túc

2- Tĩnh Tấn Như Ý Túc

3- Tuệ Như Ý Túc

4- Dục Như Ý Túc

Trên đây là BỐN pháp, pháp môn này là pháp môn thứ tám của Phật giáo

theo lời dạy của đức Phật còn ghi lại trong kinh Nguyên Thủy.

Tổng cộng lại tất cả các pháp tu tập của đạo Phật chúng ta có đúng là BA MƯƠI BẢY PHÁP MÔN, ngoài ba mươi bảy pháp môn này, để thực hiện trọn đủ trong chương trình BÁT CHÁNH ĐẠO thì không còn pháp môn nào khác nữa, xin quý vị lưu ý đừng để giáo pháp ngoại đạo lừa đảo.

Đạo Phật chỉ có ba mươi bảy môn tu tập này mà thôi nó không còn một pháp môn nào khác nữa. Nếu còn có pháp môn nào ngoài ba mươi bảy pháp pháp môn này thì đó là pháp môn của ngoại đạo.

Bởi vậy Phật giáo có pháp môn riêng của Phật giáo mà ngoại đạo không bao giờ có những pháp môn ấy, cho nên ngoại đạo không thể nào mạo nhận pháp môn của mình là pháp môn của Phật giáo được. Kinh sách Đại Thừa và kinh sách Thiền Tông muốn mạo nhận những kinh sách này là của Phật thuyết nhưng không làm sao được nên Đại Thừa và Thiền Tông mới nghĩ ra phương cách gạt tin đồ bằng cách dựng lên những trang thiên sử có 33 vị Tổ sư thiên

Ấn Độ và Trung Quốc. Kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông làm trái ngược lại với lời di chúc của đức Phật trước khi nhập Niết Bàn: ***“Này các thầy tỳ kheo, sau khi Ta nhập diệt các thầy tỳ kheo hãy lấy GIỚI LUẬT và Giáo Pháp (TỨ NIỆM XỨ) của Ta làm thầy, làm chỗ nương tựa vững chắc, không nương tựa một điều gì khác, đừng lấy ai làm thầy cả”***. Kinh sách phát triển làm sao gạt được khi kinh sách nguyên thủy còn ghi lại lời di chúc đó. Ba mươi bảy pháp môn của Phật còn kia thì bộ mặt đối trá bị lật tẩy quý vị có thấy không?

Quý vị cũng biết kinh sách phát triển Đại Thừa và kinh sách Tối Thượng Thừa của Thiên Tông Trung Hoa cố ý mạo nhận là Phật thuyết, nên xếp kinh A Hàm những lời đức Phật dạy vào hàng Tiểu Thừa để lừa đảo mọi người. Nhưng khi đọc kinh Nikaya nguyên gốc của Phật mới biết Đại Thừa và Tối Thượng Thừa là kinh sách của Phật giáo Trung Quốc chịu ảnh Khổng giáo và Lão giáo rất nặng, cho nên kinh sách phát triển và kinh sách Tối Thượng Thừa không còn là Phật giáo nguyên thủy.

Kinh sách phát triển và kinh sách Tối Thượng Thừa tu hành không bao giờ làm chủ SINH, GIÀ, BỆNH, CHẾT. Cho nên kinh sách này không bao giờ dám đá động đến việc tu tập làm chủ sinh tử và chấm dứt luân hồi.



Ba pháp thứ chín
Căn cứ vào đầu
mà biết ba mươi bảy
phẩm trợ đạo là của
Phật giáo

Do đâu chúng tôi căn cứ mà biết

Ba Mươi Bảy Pháp Môn này là của đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng? Do từ các kinh sách Nguyên Thủy, xin quý vị hãy nghiên cứu tạng kinh Nikaya do HT Minh Châu dịch từ tiếng PALI sang Việt ngữ. Nhất là chúng tôi căn cứ vào bài pháp “**THỨC ĂN**” trong kinh Nikaya để giải nghĩa rõ ràng. Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Minh Giải Thoát (Tam Minh)? Bảy Giác Chi, cần phải trả lời như vậy”***.

Minh Giải thoát tức là Ba Minh:

- 1- Túc Mạng Minh
- 2- Thiên Nhân Minh
- 3- Lộ Tận Minh

Túc Mạng Minh là một trí tuệ siêu việt của Phật giáo. Ai tu hành có được trí tuệ này thì nhìn về quá khứ biết rõ nhiều đời nhiều kiếp của mình và của những người

khác. Biết kiếp trước chúng ta sinh ở nước nào, làng nào, xã nào, huyện nào, tỉnh nào, tên gì họ gì, nghèo giàu đều biết rất rõ, nhờ trí tuệ này mới biết người chết đây sinh kia chứ không có linh hồn đi đâu thai xuống địa ngục hay lên thiên đàng hay sống theo con cháu bốn mươi chín ngày để làm tuần, làm tự rồi mới tái sanh kiếp khác. Đó là sự tưởng tượng của các tôn giáo còn lạc hậu mê tín.

Thiên Nhân Minh là một trí tuệ thứ hai, nó quan sát không gian vũ trụ không chỗ nào là không thấy. Không có một vật gì trong không gian vũ trụ mà nó bỏ sót dù vật ấy rất nhỏ như hạt vi trần. Xưa đức Phật dùng Thiên Nhân Minh nhìn vào một ly nước và tuyên bố rằng trong ly nước có vô lượng trùng. Thời gian đó ít ai tin nhưng thời đại khoa học có kính hiển vi và thiên văn kính họ bảo rằng đức Phật nói không sai.

Lậu Tận Minh là một trí tuệ thứ ba thấu suốt mọi vật, mọi pháp trên thế gian này không có pháp nào thường còn toàn là vô thường, không có pháp nào là ta, là của ta, là bản ngã của ta chỉ là theo các duyên

hợp mà thành ra vạn vật, vạn pháp rồi cũng theo các duyên tan mà vạn vật, vạn pháp hoại diệt, chứ không có một đấng Vạn Năng nào sinh thành và cũng không có một đấng Sa Tăng nào diệt vạn vật.

Cho nên, không ai làm khổ mình và mình cũng không làm khổ ai, chỉ có 12 duyên tan hợp mà khổ đau trùng trùng diễn tiếp khổ này đến khổ khác. Do trí tuệ Lộ Tận Minh mà đức Phật thấy con người sống trong lậu hoặc nên chịu đau khổ vô vàn.

Người tu hành muốn có được ba trí tuệ này thì phải thực hiện TÂM BẤT ĐỘNG trên Tứ Niệm Xứ bảy ngày đêm. Khi sống được bảy ngày đêm TÂM BẤT ĐỘNG thì Bảy Năng Lực Giác Chi lần lượt xuất hiện.





1- **N**iệm Giác Chi

2- Tinh Tấn Giác Chi

3- Khinh An Giác Chi

4- Hỷ Giác Chi

5- Định Giác Chi

6- Xả Giác Chi

7- Trạch pháp Giác Chi

Khi Bảy Giác Chi xuất hiện đầy đủ thì chúng ta có đủ Tứ Thân Túc:

1- Tinh Tấn Như Ý Túc

2- Định Như Ý Túc

3- Tuệ Như Ý Túc

4- Dục Như Ý Túc

Khi có Bốn Như Ý Túc thì mới nhập được Tứ Thánh Định, còn chưa có Bốn Như Ý Túc thì không bao giờ nhập Tứ Thánh Định được, do đó ai nói nhập thiền định bảy tám ngày hay sáu bảy tháng là nhập thiền định tướng.

Cho nên khi người nào nói về thiền mà nói không đúng lời dạy của Phật là biết ngay họ là những người chịu ảnh hưởng pháp thiền của ngoại đạo, còn không là những người nghiên cứu kinh sách rồi nói ra thì chúng ta cũng biết ngay họ là những người sống trong kiến giải tướng chớ không biết cách thức nhập thiền định nào cả.

Như đức Phật dạy khi nào chúng ta tu chứng thì mới dám dạy người tu, còn chưa chứng thì đừng dạy, nếu dạy sẽ đưa người ta

vào con đường thiên tướng như hiện giờ các sư các thầy từ Nam Tông đến Bắc Tông tu chưa xong mà dạy người tu nên thầy trò tu thiên mà vào bệnh viện trị bệnh, thật là xấu hổ vô cùng.

Thiền sư dạy người tu thiên là phải làm chủ bệnh, chớ thiền sư gì mà chết trong bệnh ung thư như thiền sư ni Ayya Khema. Thiền sư đã viết 25 tác phẩm nói về thiên và Phật giáo, nhưng cái chết của thiền sư thì sách của thiền sư không còn giá trị nữa. Vì thiên còn bệnh tật là thiên ngoại đạo.

Nếu người nào tu theo đúng pháp của Phật tâm Bất Động trên Tứ Niệm Xứ như trên đã dạy thì nhập từ Sơ thiên đến Tứ thiên thì tất cả bệnh đau trên thân đều đuổi ra khỏi thân. Và chính Tứ thiên là pháp môn làm chủ sự sống chết, có nghĩa hành giả nhập được Tứ thiên thì tịnh chỉ được hơi thở, nhờ đó muốn sống chết hồi nào thì cũng rất tự tại, chết là chết ngay liền. Thiền định như vậy mới thật sự là thiền định của Phật giáo.

Nhìn lại từ Đông sang Tây biết bao nhiêu là thiền sư. Ông thì bị xe đụng chết,

ông thì đi nằm bệnh viện rồi chết, những bệnh của quý vị thiền sư đều thuộc về loại bệnh nan y.

Khi được làm thiền sư dạy đạo thì phật tử dâng cúng những thực phẩm ngon bổ, càng ngon bổ thì càng độc, do đó “thích” ăn ngon bổ nên không có vị nào thoát khỏi những bệnh nan y.

Đạo Phật ly dục ly bất thiện pháp thế mà thiền sư còn thích ăn ngon bổ vậy xưng là thiền của Phật giáo thì thiền của Phật giáo làm sao có thiền như vậy được.

Tu hành chưa nhiếp được tâm bao nhiêu mà đi dạy người khác tu thật là những người đang “háo danh” muốn mình làm thầy thiên hạ. Thật đáng chê trách.

Muốn làm thầy dạy người tu tập thì phải có đủ Bảy Năng Lực Giác Chi, nếu chưa có thì nên im hơi, lặng tiếng để lo tu tập cứu mình ra khỏi biển khổ. Đó là điều duy nhất quý vị nên làm, đừng nghĩ đến ai cả mà hãy nghĩ đến mình.

Muốn tu tập có Bảy Năng Lực Giác Chi thì phải tìm hiểu pháp nào tu tập mà có Bảy Năng Lực Giác Chi, chớ không phải từ

trên pháp môn Bảy Giác Chi tu tập mà có Bảy Giác Chi, quý vị nên nhớ kỹ bài pháp các ***“THỨC ĂN”***. Nếu quý vị không biết pháp nào tu tập có Bảy Năng Lực Giác Chi thì hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Năng Lực Bảy Giác Chi? Bốn Niệm Xứ, cần phải trả lời như vậy”***.

Theo như lời dạy trên đây của đức Phật thì Bốn Niệm Xứ là pháp môn tu hành sinh ra Bảy Năng Lực Giác Chi. Vậy cách thức tu tập Bốn Niệm Xứ như thế nào?





1- *T* rên thân quán thân.

2- *Trên thọ quán thọ.*

3- *Trên tâm quán tâm.*

4- *Trên pháp quán pháp.*

Vậy trên thân quán thân như thế nào?

Trên thân quán thân có nghĩa là dùng mắt nhìn thấy, tai lắng nghe, cảm

nhận xúc chạm và ý thức quan sát ngay trên thân, nếu thân có đau nhức chỗ nào liền biết ngay, thân đi biết thân đi, thân ngồi biết thân ngồi, thân nằm biết thân nằm, thân đứng biết thân đứng v.v...

Bất cứ thân làm điều gì đều biết, thân ăn biết thân ăn, thân ngủ biết thân ngủ, thân quét sân biết quét sân, thân lật rau đều biết thân lật rau. Thân ngồi yên biết thân ngồi yên và khi thân ngồi yên bất động thì biết hơi thở ra hơi thở vô trên thân. Tất cả hành động đều được xem là ***trên thân quán thân***. Dù quán hơi thở ra hơi thở vô cũng chính là ***trên thân quán thân***.

Tuy nói ***trên thân quán thân*** nhưng thật sự là đang ***quán bốn chỗ***: thân, thọ, tâm, pháp. Vì ***biết thân là biết thọ, biết thọ là biết tâm, biết tâm là biết pháp, biết pháp là biết thân***. Cho nên trên **TỨ NIỆM XỨ** biết chỗ này thì liền biết chỗ khác. Bốn chỗ này như một khối tuy nói bốn nhưng mà một.

Quán thân trên thân tức là tâm tỉnh thức trên thân, nên thân xảy ra một điều gì

dù lớn lao hay nhỏ nhặt tâm đều biết rất rõ. Cho nên nói trên thân quán thân chớ kỳ thực là quán TÂM BẤT ĐỘNG, nếu tâm TÂM BẤT ĐỘNG suốt bảy ngày đêm là tu tập chứng đạo, nhưng trong suốt bảy ngày đêm tâm thường bị hôn trầm thùy miên vô ký và loạn tưởng thì nên dùng pháp ngăn ác diệt ác để mà diệt các ác pháp này. Nếu muốn rõ pháp tu hành thì nên lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Bốn Niệm Xứ? Ba Thiện Hành, cần phải trả lời như vậy”***. Đúng vậy chỉ có lấy thiện diệt ác pháp mới không bị ức chế tâm. Theo như lời Phật dạy: ***“Ba thiện hạnh nghĩa là gì?”***

Ba thiện hạnh là ba hành động thiện trong thân của mọi người như:





Ba thiên hạnh

1- **N**ói lời êm dịu, nhẹ nhàng, ôn

tôn nhã nhận, thường nói lời ái ngữ khiến cho người nghe không buồn khổ, không tức giận được an vui và hạnh phúc. Không được nói lời hung dữ, không được nạt nộ người khác, không được mắng chửi người khác, không được nói lời thô tục, tục tĩu, không được chửi thề, không được xỉa xói vào mặt

người khác, không được đánh đập người khác.

2- Làm những điều thiện tức làm mọi việc không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sinh.

3- Suy nghĩ những điều thiện tức là nghĩ ngợi những điều không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sinh.

Khi thân hành, khẩu hành và ý hành không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sinh thì tâm sẽ **BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ**.

Cho nên, muốn tâm được **BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ** thì **TRÊN THÂN QUÁN THÂN** thường xem xét **THÂN HÀNH, KHẨU HÀNH** và **Ý HÀNH**, nếu mỗi hành động đều đem lại sự bình an cho mình cho người thì hãy làm, còn không đem lại sự an vui cho mình cho người và cho tất cả chúng sinh thì mình nhất định không làm.

Tuy trên thân quán thân như vậy chưa đủ sức diệt các ác pháp, vì sáu ác pháp bên ngoài thường theo sáu căn mà vào thân tâm làm cho thân tâm bất an, như vậy

chúng ta tu tập như thế nào để hộ trợ cho pháp môn trên thân quán thân đạt được viên mãn. Vậy chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: **“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Ba Thiện Hành? Các Căn Được Chế Ngự, cần phải trả lời như vậy”.**

Thầy xin nhắc lại, nếu chúng ta tu tập pháp môn TỨ NIỆM XỨ trên thân quán thân mà không thực hiện BA THIÊN HẠNH thì không bao giờ chúng được trạng thái TỨ NIỆM XỨ, cũng như chúng ta tu tập BA THIÊN HẠNH mà CÁC CĂN không chế ngự tức là không ĐỘC CỬ thì BA THIÊN HẠNH không thành công có nghĩa là không bao giờ diệt hết ác pháp.

Cho nên CHẾ NGỰ CÁC CĂN là một vấn đề quan trọng trong việc tu tập BA THIÊN HẠNH. Vậy chế ngự các căn là chế ngự như thế nào?

Trong thân con người có sáu căn:

- 1- Nhãn căn (hai con mắt)
- 2- Nhĩ căn (hai lỗ tai)
- 3- Tỷ căn (hai lỗ mũi)
- 4- Thiệt căn (lưỡi)

5- Thân căn (cơ thể)

Chế ngự các căn là làm cho căn không chạy theo các trần bên ngoài, không bị các trần bên ngoài lôi cuốn các căn. Căn và trần không lôi cuốn, không chạy theo thì tâm BẤT ĐỘNG hiện tiền quý vị có thấy không?

Rất tiếc quý vị về đây tu tập người nào cũng mong muốn chứng đạo nhưng luôn luôn để CĂN và TRẦN tìm nhau thì làm sau chứng đạo hỡi quý vị?

Đời thì khổ vô vàn, các pháp vô thường nay còn, mai mất không chờ đợi một ai. Cớ sao quý vị lại xem thường, có gì vui mà ham nói chuyện; có gì vui mà ham nhìn ngó người khác làm gì?

Muốn tu chứng đạo hãy siêng năng CHẾ NGỰ CÁC CĂN, nhờ đó mới mong chứng đạo quý vị ạ!

Muốn chế ngự các căn có kết quả vậy chúng ta hãy tu tập các pháp môn nào?

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Các Căn Được Chế Ngự? Chánh***

Niệm Tĩnh Giác, cần phải trả lời như vậy”.

Đức Phật đã dạy rõ ràng: “CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC” là pháp môn tu tập “CHẾ NGỰ CÁC CĂN”. Chánh Niệm Tĩnh Giác là một pháp môn tu tập trên THÂN HÀNH NGOẠI và THÂN HÀNH NỘI tức là nương vào THÂN HÀNH tu tập như:





Pháp thân hành

1- **Đ**i kinh hành 10 bước hoặc 20

bước rồi đứng lại nghỉ. Trong thời gian đứng nghỉ phải tập trung tâm vào hơi thở, nghĩa là biết hơi thở ra và hơi thở vào.

Khi thở ra thở vào đếm 1 kế tiếp thở ra thở vào đếm 2 và cứ như vậy nương theo hơi thở đếm đến 20 hơi thở, nhưng phải nhớ khi nhiếp tâm trong hơi thở không để một niệm nào xen vào, còn có niệm xen vào trong hơi thở thì tu tập bớt hơi thở lại, khi nào không có niệm khởi rồi lần lượt tăng

dần hơi thở lên cũng như đi kinh hành vậy rồi chuyển tiếp tục đi kinh hành lại và cứ tu tập như từ 5 phút đến 30 phút rồi sau này lần lượt tăng lên dần đến 1 giờ.

Nên lưu ý khi bước đi phải tập trung tâm chỉ biết bước đi không có một niệm nào sinh khởi vào thì mới tăng dần lên đến 1 giờ, còn có niệm khởi thì phải lui lại đúng thời gian chỉ còn biết bước đi mà thôi. Đó là cách thức tu tập CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC giai đoạn đầu.

2- Đi kinh hành cũng 10 bước hoặc 20 bước rồi ngồi xuống nghỉ. Trong thời gian ngồi xuống nghỉ phải tập trung tâm vào hơi thở, nghĩa là biết hơi thở ra và hơi thở vào.

Khi thở ra thở vào cũng đếm 1 kế tiếp thở ra thở vào đếm 2 và cứ như vậy nương theo hơi thở đếm đến 20 hơi thở, nhưng phải nhớ khi nhiếp tâm trong hơi thở không để một niệm vọng nào xen vào, còn có niệm vọng xen vào trong hơi thở thì tu tập bớt hơi thở lại, khi nào không có niệm khởi rồi lần lượt tăng dần hơi thở lên cũng như đi kinh hành vậy. Ở đây chỉ có khác ở phần đi kinh hành 1 là tu tập hơi thở là

phải ngồi. Khi tu tập xong hơi thở thì lại tiếp tục đi kinh hành và cứ tu tập như vậy từ 5 phút đến 30 phút rồi sau này lần lượt tăng lên dần đến 1 giờ.

Nên lưu ý khi bước đi phải tập trung tâm chỉ biết bước đi không có một niệm nào sinh khởi vào thì mới tăng dần lên đến 1 giờ, còn có niệm khởi thì phải lui lại đúng thời gian chỉ còn biết bước đi mà thôi. Đó là cách thức tu tập CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC THÂN HÀNH NIỆM NỘI VÀ THÂN HÀNH NIỆM NGOẠI, đây là ở giai đoạn kinh hành thứ nhất.

Muốn tu tập CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC như trên đã dạy thì tu tập THÂN HÀNH NIỆM NỘI và THÂN HÀNH NIỆM NGOẠI, nhưng khi tu tập hai pháp môn này mà không có PHÁP DẪN TÂM thì tu tập không mang đến kết quả tốt đẹp được. Vậy PHÁP DẪN TÂM như thế nào?

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Chánh Niệm Tỉnh Giác? Như Lý Tác Ý, cần phải trả lời như vậy”.***





Đúng vậy, pháp NHƯ LÝ TÁC Ý

là PHÁP MÔN DẪN TÂM. Đến lời dạy này chúng ta thấy đức Phật dạy từ pháp môn này kế tiếp pháp môn khác, pháp thấp đến pháp cao cụ thể rõ ràng như hai bàn tay của

chúng ta có 10 ngón là 10 ngón không sai một ngón nào cả. Còn nói về pháp cơ bản cho đến pháp chứng đạo nó giống như chương trình giáo dục đào tạo văn hóa của Bộ Giáo Dục. Nếu một người tu theo Phật giáo mà tu không chứng đạo là tu lấy hình thức chứ không quyết tâm thật sự.

Chúng tôi xin bảo đảm, nếu ai quyết tâm tu tập thật sự đúng như lời dạy của Phật trên đây thì một trăm người sẽ chứng đạt 100 người không bỏ sót một người nào cả. Qua những bài pháp này chúng ta mới rõ Phật pháp là pháp cứu loài người thoát khổ với tầm sức và khả năng của con người. Cho nên là con người bất cứ ai học và tu tập đều đạt kết quả làm chủ sanh tử dễ dàng không có khó khăn, không có mệt nhọc. Chỉ có những người mới đầu thì hăng hái tu tập, nhưng chỉ được một tuần lễ hay nửa tháng là mở cửa thất đi tìm người khác nói chuyện giả vờ giúp bạn đồng tu hoặc xin phép để gặp Thầy hỏi điều này, thế kia hay viết thư thưa hỏi đúng sai v.v... Đó là những người không quyết tâm giải thoát mà chỉ tu danh tu lợi khoe khoang sự tu tập của mình để làm thầy mọi người.

Đó chính là hành động tự giết mình trong sự tu tập. Một khi Thầy đã dạy cũng như đức Phật đã dạy BA MƯỜI BẢY PHÁP MÔN vào cửa giải thoát là đầy đủ giáo pháp của đức Phật. Không còn thiếu một pháp nào cả. Nếu bảo rằng BA MƯỜI BẢY PHÁP MÔN này còn thiếu là người ấy chưa hiểu Phật giáo, họ bị ảnh hưởng của tà giáo ngoại đạo TÁM MƯỜI BỐN NGÀN PHÁP MÔN. Bài pháp trên đây đức Phật dạy rất cẩn kẽ, nếu người nào đọc xong mà không biết cách tu tập thì thật là tối tăm và trí óc mất bình thường.

Học qua bài pháp BA MƯỜI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO trên đây, chỉ còn có theo thứ lớp các pháp tu tập thì sự chứng đạo sẽ ở trong tầm tay quý vị, không còn phải tu tập thêm một pháp môn nào nữa cả và cũng không cần phải thưa hỏi với một vị thầy nào. Trong bài dạy rất kỹ dù có một trạng thái tướng hay một hiện tượng nào xảy ra thì trong bài pháp này cũng chỉ rõ ràng, nên những ai cứ theo bài pháp này tu tập dù bất cứ nơi đâu cũng không sợ điên khùng loạn trí hay bị tẩu hỏa nhập ma.

Nếu chúng ta sợ hãi thì nên lắng nghe đức Phật dạy thì quý vị càng vững lòng tin hơn: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Như Lý Tác Ý? Lòng Tin, cần phải trả lời như vậy.”***





Những lời chúng tôi khuyên quý

vị trên đây cũng là ý này, nếu có lòng tin chúng ta mới nhiệt tâm tu tập, tu thật sự, còn không có lòng tin thì dù có tu tập cũng chỉ tu lấy có hình thức làm vừa lòng người khác.

Lời đức Phật xác định trên đây chúng tôi tin rằng mọi người sẽ tin tưởng hơn

nhieu. Người tu theo đạo Phật mà không tin Phật thì còn tin ai. Phải không quý vị?

Nhưng trong cuộc đời con người có quá nhiều sự gian dối, khi họ theo một tôn giáo nào thì dựa vào đó làm nghề buôn thần bán thánh, dựa vào đó chia phe chia nhóm để mình làm bá chủ lãnh đạo một góc trời chẳng thua kém một ai. Đó là danh đã làm cho họ lạc lối tu hành. Rồi đây sinh tử luân hồi đến họ biết lấy gì bảo vệ.

Đức Phật thường dạy: *“Được thân người là khó mà gặp được chánh pháp còn khó hơn”*. Vậy hôm nay quý vị đã gặp hai thứ khó thế mà quý vị lại xem thường không lo tu tập. Chánh pháp của Phật là một phương thuốc cứu người, nhưng ai có uống thì mới hết bệnh còn ai không tin, không uống thì cũng đành chịu mà thôi.

Khi nói về chánh pháp của Phật chúng tôi hết sức giảng dạy để làm cho mọi người dễ hiểu và thấy kết quả ngay liền, nhưng không đủ duyên nên họ tu tập lơ là không nghiêm chỉnh thường phá hạnh độc cư thích tụm ba tụm bảy nói chuyện. Dù pháp có hay đến cỡ nào mà thấy mọi người

dụm ba dụm bảy nói chuyện thì pháp hay cũng thành pháp dở.

Những người dụm ba dụm bảy nói chuyện là những người không có lòng tin chánh pháp của Phật. Không có lòng tin chánh pháp của Phật thì tu tập theo Phật giáo để làm gì?

Đối với đạo Phật, pháp môn thứ nhất là LÒNG TIN. Nhờ có LÒNG TIN chúng ta mới tu tập đến nơi đến chốn.

Trên đời người ta sinh sống làm ăn được giàu sang hay nghèo khổ là nhờ vào LÒNG TIN khả năng của mình và chọn lựa nghề nghiệp, nếu không có LÒNG TIN vào khả năng của mình và sự lựa chọn nghề nghiệp thì luôn luôn sẽ gặp thất bại.

Cho nên LÒNG TIN rất quan trọng trong cuộc sống đời người, vì thế nó còn quan trọng gấp trăm ngàn lần trong việc tu hành theo Phật giáo.

Trong pháp môn NGŨ LỰC của Phật giáo, LÒNG TIN đứng hàng đầu gọi là TÍN LỰC. Trong tất cả Pháp môn tu tập của Phật giáo, pháp tu tập thứ nhất là LÒNG TIN, quý vị có LÒNG TIN này không? Nếu

quý vị chưa có LÒNG TIN thì hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Lòng Tin? Nghe Diệu Pháp (chân pháp của Phật), cần phải trả lời như vậy”.***





Đúng vậy, nếu chưa có LÒNG

TIN thì hãy nghe giảng dạy về DIỆU PHÁP. Vậy DIỆU PHÁP là pháp gì?

Diệu Pháp là pháp môn TỬ DIỆU ĐẾ là một pháp môn chỉ thẳng vào con người nói rõ sự chân thật của một kiếp làm người.

Toàn bộ thân tâm con người là một khối khổ trong đó không có gì là vui cả, nhưng con người lầm chấp dục lạc cho là vui chứ kỳ thật thân tâm con người là pháp vô thường. Cho nên trong kinh TỬ ĐẾ đức Phật gọi là KHỔ ĐẾ.

Từ lâu loài người chưa biết thân tâm của mình là pháp vô thường, là khối đau khổ cho nên thường lo lắng yêu thương nó và dính mắc ai đụng đến nó đều ăn thua đủ, bảo vệ nó như bảo vệ một vật quý giá nhất trên đời.

Khi đức Phật nói thân tâm con người là một khối khổ đã làm sáng mắt mọi người nhưng bản chất kiến chấp nhiều đời đã ăn sâu đã thành một dấu ấn nên họ muốn bỏ mà bỏ chẳng được.

Thân tâm con người là một khối khổ, đó là một sự thật nên không còn ai dám phủ nhận lời đức Phật dạy là sai. Nhưng muốn thoát ra khỏi sự khổ của thân tâm thì chẳng biết làm sao cả. Lấy cái gì làm cho

nó hết đau khổ đây, do đó các tôn giáo khác tưởng tượng ra thế giới siêu hình: Cõi Trời có Ngọc Hoàng Thượng Đế và chư Thiên, cõi Phật có Tam Thế Chư Phật, Phật ông, Phật bà, chư Bồ Tát và các bậc A La Hán ngồi lủ khủ đầy bàn đầy ghế khiến con người trần gian lay lẽ quá mệt nhọc và tốn hao tiền bạc công sức cúng bái cầu nguyện, nhưng khổ vẫn còn nguyên vẹn và còn gia tăng hơn. Khi mình đi ăn trộm của người khác công an bắt được thì đi tù thì có bậc Thánh Thần, chư Thiên, chư Phật chư Bồ Tát nào dám cứu khổ những kẻ này, bộ các vị muốn ở tù phải không?

Tội ở tù của Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát là tội ăn lo hối lộ nải chuối bình hoa, cây hương v.v...

Cho nên những việc dạy tín đồ mê tín của các tôn giáo cầu nguyện chư Phật ban phước, chư Bồ Tát cứu khổ, Chúa ban phước lành là những việc làm lừa gạt con người, phi pháp luật. Nhà nước cần phải quan tâm những hệ phái tôn giáo này để giúp nhân dân sống có đạo đức văn hóa lành mạnh tốt đẹp hơn.

Chấm dứt ngay những phong tục lạc hậu đồng cốt nhảy múa hát hò trống kèn rập rình miệng gọi cô, cậu, thánh thần, âm binh v.v... Đó là những văn hóa lạc hậu cách đây hơn mấy ngàn năm.

Chấm dứt ngay những đàn tràng cúng bái cầu hồn, gọi hồn, cúng vong tiền linh, làm tuần, làm tự cầu siêu tụng kinh bảy ngày, hai mươi một ngày rồi bốn mươi chín ngày làm tuần giáp năm và làm tuần mãn tang. Tất cả những hành động này đều là mê tín lạc hậu. Đạo Phật không có dạy những điều này vì đức Phật đã xác định không có linh hồn. Thân tâm của con người gồm có năm uẩn:

- 1- Sắc uẩn
- 2- Thọ uẩn
- 3- Tưởng uẩn
- 4- Hành uẩn
- 5- Thức uẩn

Khi năm uẩn này hoại diệt thì không còn một uẩn nào cả. Vây linh hồn ở đâu mà người ta gọi hồn về cúng bái. Một việc làm sao quý vị cứ nghe đâu làm theo mà không

chịu suy xét. Không lẽ chúng ta toàn là người mù mắt hết sao bị tôn giáo lừa gạt mà không biết. Trong khi đức Phật dạy: “Ba mươi ba cõi trời là cõi tưởng”, vậy Ngọc Hoàng Thượng Đế ở đâu khi mà 33 cõi Trời là cõi tưởng. Vậy quý vị cầu nguyện ai đây khi mà không có thể giới siêu hình. Quý vị làm một điều mê tín mù quáng mà quý vị không biết.

Sau khi chỉ cho con người thân tâm của con người là một khối khổ, vậy khối khổ này từ nguyên nhân nào làm cho nó khổ? Câu hỏi được đặt ra đức Phật mới xác định chân lý thứ hai để mọi người biết nguyên sinh ra đau khổ của con người là chính LÒNG THAM MUỐN của con người. Lòng tham muốn của con người làm khổ con người chớ không có ai làm đau khổ con người cả.

Pháp Phật thật là vi diệu nói đâu là đúng đó không sai một li hào nào cả. Chữ DIỆU PHÁP không có nghĩa là thần thông phép lực cao cường hô phong hoán vũ, tàng hình biến hóa; DIỆU PHÁP không phải là pháp cao siêu vĩ đại mà DIỆU PHÁP chỉ là một pháp thuyết về con người đến đâu

khiến cho mọi người hiểu biết (giác ngộ) rõ ràng đến đó không có một chỗ nào không biết.

Pháp môn TỬ DIỆU ĐẾ là một pháp môn DIỆU PHÁP. Quý vị có nhớ không, bài pháp đầu tiên của đức Phật thuyết cho năm anh em Kiều Trần Như không? Một bài pháp đã khiến cho tất cả các tôn giáo ngoại đạo rung chuyển, được xem là một bài pháp làm cho cả thế giới chấn động và thế giới siêu hình rơi rụng như lá vàng mùa Thu.

LÒNG THAM MUỐN của con người làm khổ con người cho nên không ai cứu khổ con người bằng chính mỗi người hãy dẹp bỏ LÒNG HAM MUỐN của mình thì ngay đó thân tâm hết khổ, thế giới không còn xung đột và chiến tranh nữa.

LÒNG HAM MUỐN là một sự thật và ai cũng biết rằng dẹp nó thì chấm dứt khổ đau. Nhưng dẹp nó thì họ sẽ mất hết không còn gì nữa cả. Cho nên đức Phật biết tâm trạng con người như vậy nên Ngài dạy: “LY DỤC LY BẤT THIỆN PHÁP DO LY DỤC SINH HỖ LẠC”. Danh từ HỖ LẠC ở đây có nghĩa là HÂN HOAN VUI VẺ và AN LẠC.

Nghe lời dạy này quý vị có hiểu không? Khi dẹp bỏ LÒNG HAM MUỐN thì chúng ta lại được TÂM BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ. Cho nên dẹp bỏ LÒNG HAM MUỐN chúng ta lại được AN VUI gấp trăm ngàn lần. Vậy quý vị có bỏ không?

Nói thế chứ của cải tài sản đất đai ruộng vườn tiền bạc bỏ đâu phải dễ, nhất là danh thì lại càng khó bỏ hơn. Nghe hết khổ thì ai cũng ham nhưng buông bỏ hết thì ít ai làm được. Bởi vậy bỏ cái gì thì dễ chứ bỏ LÒNG THAM, SÂN, SI, MẠN, NGHI thì quá khó phải không quý vị?

Đời người khổ là do NGŨ TRIỀN CÁI và THẤT KIẾT SỬ chính trong thân tâm họ, đức Phật dạy rất rõ nhưng đến giờ này có mấy ai bỏ sạch đâu. Chỉ có muội lược 3/10 hay 5/10 mà người ta cảm thấy mình đã an vui, nếu bỏ hết thì đã làm Phật xong rồi. Phải không quý vị?

Biết rõ chân lý DIỆT ĐẾ là một trạng thái giải thoát trong thân tâm của mỗi người nên Thầy dùng pháp NHƯ LÝ TÁC Ý mà tác ý ngay TÂM BẤT ĐỘNG,

THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ để giữ gìn và bảo vệ nó, khiến cho nó luôn luôn hiện tiền trong tâm thì LẬU HOẶC không còn có nghĩa là đau khổ không còn nữa. Như đức Phật đã dạy: ***“Có như lý tác ý lậu hoặc chưa sinh sẽ không sinh mà đã sinh thì bị diệt”***.





Một người tu tập cứ bên tâm

bên chí TÁC Ý khi có niệm khởi, khi có hôn trầm thì niệm khởi và hôn trầm sẽ bị tiêu diệt, nó bị tiêu diệt thì chứng đạo ngay liền tại chỗ đó. Cho nên tu hành khi biết đúng Chánh pháp thì tu hành chứng đạo không còn khó khăn mệt nhọc gì cả. Thầy đã dạy

rất rõ thì quý vị hãy ôm cho chặt pháp để chiến thắng giặc sinh tử luân hồi.

Con đường tu tập của Phật giáo rất rõ có tám lớp tu học mà ai cũng biết, đó là **BÁT CHÁNH ĐẠO**. **BÁT CHÁNH ĐẠO** gồm có:

- 1- Chánh kiến
- 2- Chánh tư duy
- 3- Chánh ngữ
- 4- Chánh nghiệp
- 5- Chánh mạng
- 6- Chánh tinh tấn
- 7- Chánh niệm
- 8- Chánh định

Bởi vậy đến với đạo Phật là đến với sự thật, đến với sự thật là đến với tri kiến thì tri kiến ấy mới đem lại sự bình an cho loài người.

Bởi sinh ra làm người mà bản thân con người có một loại vũ khí tối tân nhất để bảo vệ sự sống bình an yên vui và hạnh phúc của con người. Đó là tri kiến, tri kiến

của con người rất là quan trọng. Nếu con người cứ để tri kiến ấy nuôi lớn bằng NGŨ TRIỀN CÁI và THẤT KIẾT SỬ thì con người phải chịu vô vàn khổ đau, còn ngược lại nuôi lớn bằng tri kiến diệt NGŨ TRIỀN CÁI và THẤT KIẾT SỬ thì con người sống bình an, yên vui và hạnh phúc.

Ai cũng biết con người sống bằng tri kiến, nhưng tri kiến phải được rèn luyện trong nền đạo đức của Phật giáo qua tám lớp học như trên đã kể.

Tám lớp học này phải do một bậc chứng đạo giảng dạy thì sự tu học mới có kết quả thiết thực. Khi giảng dạy tất cả tu sinh có quyền thưa hỏi những gì không biết. Một vị tu hành chứng đạo sẽ đáp ứng những đòi hỏi của tu sinh đầy đủ, còn ngược lại người tu chưa chứng đạo sẽ không đáp ứng được. Do đó đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo! Cái gì là thức ăn cho Nghe Diệu Pháp? Thân Cận Với Bậc Chân Nhân (Bậc tu chứng đạo), cần phải trả lời như vậy”***.





Đúng vậy, chỉ có thân cận với những người tu chứng thì con đường tu học mới chứng đạo. Trong đời rất khó gặp

những bậc tu chứng đạo. Đó là một điều khó nhất trên đường tu tập. Tu tập các pháp không khó nếu có bậc thiện hữu tri thức tu chứng.

Bậc tu chứng tuy ở trước mặt nhưng không đủ duyên cũng không phải dễ gặp, dù có gặp nhưng phước duyên không đủ thì lòng tin không có và như vậy gặp cũng như không. Bởi người xưa nói: **“Hữu duyên thiên lý nan tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng”**. Đó là một bằng chứng như hiện giờ ai cũng gặp Thầy nhưng có mấy ai đủ lòng tin tu tập chứng đạo như Thầy không?

Cho nên tìm một người tu chứng đạo là phải đủ nhân duyên, nếu không đủ duyên thì khó mà gặp người tu chứng. Vì thế quý vị tha thiết tu hành và tu tập hết sức mình thì đó là quý vị tạo duyên gặp người tu chứng, nếu không suốt đời quý vị khó gặp lắm dù có gặp cũng chỉ như gặp một người bình thường chứ không được truyền trao kinh nghiệm tu tập. Dù những bậc tu chứng có truyền trao nhưng quý vị nghe rồi cũng bỏ ngoài tai.

Căn cứ theo những lời Phật dạy trên đây Thầy sẽ chỉ dạy BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO để quý vị hiểu rõ phải tu tập pháp môn nào trước pháp môn nào sau.





1/ **N**gười tu sĩ muốn được Nghe
Chân Pháp Của Phật thì phải **THÂN CẬN**
BẬC TU CHỨNG ĐẠO, đã làm chủ sinh,

già, bệnh, chết. Đó là pháp thứ nhất, quý vị cần phải nhớ kỹ lời dạy này.

2/ Người tu sĩ muốn có Lòng Tin thì phải được **NGHE CHÂN PHÁP CỦA PHẬT**. Đó là pháp thứ hai cần phải ghi nhớ. Nếu quên đó là một sự sai lầm hết sức trong đường tu tập theo Phật giáo.

3/ Người tu sĩ muốn đạt được pháp môn Như Lý Tác Ý thì phải có **LÒNG TIN**. Đó là pháp thứ ba cần phải ghi nhớ.

4/ Người tu sĩ muốn đạt được Chánh Niệm Tỉnh Giác thì phải tu tập **NHƯ LÝ TÁC Ý**. Đó là pháp thứ tư cần phải ghi nhớ.

5/ Người tu sĩ muốn *Chế Ngự Được Các Căn* thì phải tu tập **CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC**. Đó là pháp thứ năm cần phải ghi nhớ.

6/ Người tu sĩ muốn đạt được *Ba Thiện Hạnh* thì phải tu tập **CHẾ NGỰ CÁC CĂN** (Độc Cư). Đó là pháp thứ sáu cần phải ghi nhớ.

7/ Người tu sĩ muốn đạt được *Tứ Niệm Xứ* thì phải tu tập **BA THIÊN HẠNH**. Ba Thiện Hạnh tức là ý hành thiện, khẩu hành

thiện, thân hành thiện (Tứ Chánh Cần). Đó là pháp thứ bảy cần phải ghi nhớ.

8/ Người tu sĩ muốn đạt được *Bảy Năng Lực Giác Chi* thì phải tu tập **TỨ NIỆM XỨ**. Đó là pháp thứ tám cần phải ghi nhớ.

9/ Người tu sĩ muốn đạt được Tam Minh để làm chủ sinh tử và chấm dứt luân hồi thì phải có đủ *Bảy Năng Lực Giác Chi*. Bảy năng lực giác chi xuất hiện **khí tâm bất động trên Tứ Niệm Xứ**. Tâm chưa *bất động* trên Tứ niệm Xứ thì không bao giờ có Bảy năng Lực Giác Chi xuất hiện. Đó là pháp thứ chín cần phải ghi nhớ.





Ông Hư Luật

Thực hiện

ba mươi bảy

phẩm trợ đạo

Tên đây là ba mươi bảy pháp tu

tập để làm chủ sinh, già, bệnh, chết rất thực tế và cụ thể. Cho nên trong thời đức Phật có nhiều Vương Tử con các nhà quý tộc bỏ gia đình, nhà cửa đi tu theo Phật như:

- 1- Nhóm Anuruddha (A Na Luật Đà)
- 2- Nhóm Nandiya
- 3- Nhóm Kimbila
- 4- Nhóm Bhagu
- 5- Nhóm Kundadhana
- 6- Nhóm Revata
- 7- Nhóm Ananda

Và còn nhiều nhóm con nhà quý tộc khác nữa. Vì các nhóm Vương Tử này muốn xuất gia tu theo Phật, nên đức Phật bảo: ***“Này các Vương Tử, các ông vì lòng tin Ta đã xuất gia làm chủ sinh tử, nên các ông mới từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy các ông có hoan hỷ sống trong Phạm hạnh này không?”***

Ba lần hỏi như vậy, nhưng các nhóm Vương Tử không có nhóm nào dám trả lời. Đức Phật mới suy nghĩ Ta phải hỏi từng nhóm một chứ họ không đại diện chung cho các nhóm trả lời, vì thế, đức Phật gọi tên từng nhóm một mà hỏi: **“*Này Anuruddha, các Vương Tử có hoan hỷ trong Phạm hạnh này không?*”**.

Ông A NA LUẬT thay mặt nhóm của mình mà trả lời Phật: **“*Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con hoan hỷ sống trong Phạm hạnh*”**.

Khi nghe Anuruddha trả lời như vậy đức Phật ca ngợi ý chí tìm cầu sự giải thoát: **“*Lành thay, lành thay, này nhóm Anuruddha, các Vương Tử thật xứng đáng là những Thiện gia nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống trong Phạm hạnh này, các ông có hoan hỷ sống trong Phạm hạnh này không?*”**

Trong khi các Vương Tử với tuổi trẻ tốt đẹp, trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, có thể hưởng thụ các

đục lạc, có sao lại xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?”

Các Vương Tử tuổi còn thanh niên nên đức Phật cẩn thận nhắc đi, nhắc lại vì một lý do gì, có phải vì mệnh lệnh của vua hay vì mệnh lệnh của kẻ trộm cướp hay vì nợ nần hay vì sợ hãi hay vì mất nghề nghiệp sinh sống? Muốn biết rõ những điều này, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật hỏi:

“Này nhóm Anuruddha, các Vương Tử không vì mệnh lệnh của vua mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Hay vì mệnh lệnh của kẻ ăn trộm mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Hay vì nợ nần mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Hay vì sợ hãi mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Hay vì mất nghề sinh sống mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Các Vương Tử nhóm Anuruddha trả lời: “Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn”.

Nghe các Vương Tử thuộc nhóm Anuruddha trả lời như vậy nên đức Phật hỏi tiếp:

“Hay các Vương Tử có những tư tưởng như sau: “Vì bị sinh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, não áp bức, chi phối nên các Vương Tử nhóm Anuruddha, chỉ mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này mà đặt trọn lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, có phải vậy không?”

Các Vương Tử nhóm Anuruddha trả lời: “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”.

Đoạn kinh trên đây đức Phật dạy rất rõ: **“Chỉ vì SINH, GIÀ, BỆNH, CHẾT mà các Vương Tử con vua cháu chúa bỏ đi tu chấp nhận sống không gia đình, không nhà cửa”.** Các Vương Tử đều là những người giàu sang phú quý thế mà họ hiểu được Phật pháp, sẵn sàng buông bỏ tất cả không hề tiếc hối một điều gì. Đối với đời

sống của các Vương Tử thì đời sống của chúng ta làm sao bằng các Vương Tử này đâu, thế mà chúng ta lại bỏ không được.

Sinh, già, bệnh, chết sẽ không chờ chúng ta đâu, một khi nó đã đến thì không còn cách nào thương lượng, điều đình được. Cho nên ngay từ phút này phải lo cứu mình ra khỏi biển sinh tử.

Giặc sinh tử đang cai trị đất nước của chúng ta. Chúng ta đang là những người dân bị nô lệ, nếu chúng ta chấp nhận làm người dân nô lệ thì đời đời kiếp kiếp không bao giờ làm chủ sinh già bệnh chết.

Nếu chúng ta không đứng lên đòi quyền làm chủ sinh, già, bệnh, chết thì muôn đời ngàn kiếp của chúng ta chỉ là người dân nô lệ làm tay sai cho giặc sinh tử mà thôi.

Khi nổi lên chống giặc sinh tử chúng ta phải có chiến thuật, chiến lược đấu tranh thì mới mong thắng giặc. Nếu trong tay không có bản đồ chiến thuật, chiến lược thì chúng ta có nổi lên chống giặc sinh tử thì cũng chỉ hy sinh vô ích mà thôi.

Cho nên trước khi muốn đánh giặc sinh tử thì chúng ta nên theo một chiến thuật, chiến lược của một người đã chiến thắng giặc sinh tử, nhờ đó nó là một kinh nghiệm sống hay nói một cách khác là chúng ta có bản đồ chiến lược chiến thuật.

Muốn có bản đồ tu Phật thì chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Và xuất gia như vậy, này các Vương Tử nhóm Anuruddha, các người Thiện gia nam tử cần phải làm gì?”***

Trước khi thuyết pháp đức Phật thường hay đặt ra câu hỏi để khiến mọi người chú ý lời dạy của Ngài nhiều hơn.

Cho nên khi xuất gia đi theo Phật giáo tu hành chỉ có từ bỏ gia đình, sống không gia đình là đủ hay còn phải tu tập những pháp môn nào nữa?

Chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Này các Vương Tử nhóm Anuruddha, khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình thì tiếp tục tu tập ly dục ly bất thiện pháp”***.

Theo như lời đức Phật dạy trên đây khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình xong thì chúng ta phải tiếp tục tu tập ly dục ly bất thiện pháp. Vậy cách thức ly dục ly bất thiện pháp như thế nào?

Ly dục có nghĩa là lìa tất cả lòng ham muốn của chúng ta, hễ trong tâm chúng khởi lên niệm ham muốn nào thì chúng ta nhất định không làm theo, không chạy theo, như vậy gọi là lìa.

Ly bất thiện pháp có nghĩa là lìa tất cả các ác pháp làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sinh. Người tu theo Phật giáo nhất định thà chết chớ không làm theo những điều ác. Cho nên người tu sĩ Phật giáo thường tỉnh giác suốt nhận ra từng hoàn cảnh, từng đối tượng, từng hành động việc làm, từng ý niệm khởi lên, nếu xét thấy làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sinh thì nhất định không làm và còn tránh xa. Đó là ly bất thiện pháp.

Muốn ly dục ly bất thiện pháp cho có kết quả tốt thì chúng ta nên sống một mình để phòng hộ sáu căn. Lúc bây giờ trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta đều

lưu ý chú tâm vào chỗ tâm BẤT ĐỘNG. Khi tâm hoàn toàn ly dục ly bất thiện pháp thì tâm BẤT ĐỘNG. Trong tâm BẤT ĐỘNG có một sự an lạc, nhờ tâm BẤT ĐỘNG an lạc đó mà các niệm tham, sân, si, mạn, nghi không khởi ra được. Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Này các Vương Tử nhóm Anuruddha, khi ly dục ly bất thiện pháp. Nếu không chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham xâm chiếm tâm và an trú, sân xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm thù miên... trạo cử, hối quá. .. nghi hoặc... bất lạc... giải đãi xâm chiếm tâm và an trú”***.

Quý vị có nghe lời dạy của đức Phật tu tập BA MƯỜI BẢY PHÁP VÀO ĐẠO không? Khi chúng ta TÁC Ý, đó là một pháp trong BA MƯỜI BẢY PHÁP VÀO ĐẠO để giữ tâm BẤT ĐỘNG, khi giữ gìn tâm BẤT ĐỘNG thì chúng ta có một sự cảm nhận an lạc trong TÂM BẤT ĐỘNG, nếu chưa có sự an lạc là do chúng ta vận dụng công phu tu tập để không niệm khởi vọng tưởng. Để không niệm khởi vọng tưởng đó là một sự tu tập sai, chịu ảnh hưởng những

giáo pháp của ngoại đạo như Thiên Tông, Tịnh Độ Tông và Mật Tông Tây Tạng v.v... Tu tập phải để tâm BẤT ĐỘNG tự nhiên thì mới có an lạc, chính nhờ sự an lạc đó mà niệm vọng tham, sân, si, mạn, nghi không khởi lên được, cho nên tâm BẤT ĐỘNG mới kéo dài từ giờ này đến giờ khác; từ ngày này sang ngày khác một cách dễ dàng.

Do tâm BẤT ĐỘNG từ giờ này đến giờ khác, từ ngày này sang ngày khác nên đức Phật mới hỏi các Vương Tử để phá tâm nghi về tâm BẤT ĐỘNG của Phật: ***“Này các Vương Tử nhóm Anuruddha, các ông có nghi về Ta như thế nào? Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, bệnh, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích nhãn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp, có đúng như vậy không?”***

Khi đức Phật nêu ra những nghi ngờ của các Vương Tử nhóm Anuruddha đối với các lậu hoặc Phật chưa diệt sạch.

Chúng ta hãy lắng nghe các Vương Tử nhóm Anuruddha trả lời: ***“Bạch Thế Tôn, chúng con không có nghĩ như vậy về Thế Tôn: “các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hưởng đến sanh già, bệnh, chết trong tương lai các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích thọ dụng một pháp, sau khi suy tư phân tích nhãn thọ một pháp, sau khi suy tư phân tích từ bỏ một pháp, sau khi suy tư phân tích đoạn trừ một pháp”. Bạch thế tôn chúng con nghĩ về thế tôn như sau: “các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hưởng đến sanh già chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy đã được Như Lai đoạn trừ. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích nhãn thọ một pháp, sau khi suy tư phân tích***

từ bỏ một pháp, sau khi suy tư phân tích đoạn trừ một pháp” ”.

Khi nghe các Vương Tử nhóm Anuruddha không còn nghi ngờ lậu hoặc của đức Phật, nên đức Phật biết chắc đó lòng tin không gì lay chuyển, nên đức Phật ca ngợi lòng tin ấy và vạch rõ cho các Vương Tử nhóm Anuruddha hiểu sâu hơn con đường tu tập của Phật giáo: ***“Lành thay! Lành thay! này các Vương Tử nhóm Anuruddha! Các lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, bệnh, chết trong tương lai đã được Như Lai đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Ta-la không thể sanh lại, không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như này các Vương Tử nhóm Anuruddha, cây Ta-la đầu đã bị chặt đứt, không thể lớn lên nữa, cũng vậy này các Vương Tử nhóm Anuruddha, các lậu hoặc liên hệ đến phiền não ..(như trên).. không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích thọ dụng***

một pháp, sau khi suy tư phân tích từ bỏ một pháp sau khi suy tư phân tích đoạn trừ một pháp". Khi tu tập sống trong tâm BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC thì tâm tham, sân, si, mạn, nghi đã bị diệt trừ như cây Ta-la bị chặt đứt ngọn không thể sống lại được. Một sự xác định rất rõ ràng mà chính kim khẩu đức Phật nói ra.

Khi tu tập đạt được tâm BẤT ĐỘNG THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ thì có một trí tuệ hiểu biết rất đặc biệt mà người thế gian không thể nào ngờ được. Cho nên trước khi nói ra điều này đức Phật dè dặt sợ người thế gian không hiểu cho mình lường gạt họ: ***“Này các Vương Tử nhóm Anuruddha, các ông nghĩ thế nào? Do thấy mục đích đặc biệt nào, Như Lai giải thích sự tái sanh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung nói rằng: “Vị này tái sanh ở chỗ này, vị này tái sanh ở chỗ kia”. Các Vương Tử nhóm Anuruddha có lòng tin không?”***

Khi nghe đức Phật hỏi như vậy các Vương Tử nhóm Anuruddha khẳng định trả

lời: **“Bạch Thế Tôn đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng đến Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các tỳ kheo sẽ y giáo thọ trì”**.

Sau khi nghe các Vương Tử nhóm Anuruddha tin tưởng vào đức Phật không có chút lòng nghi ngờ gì cả nên đức Phật dạy tiếp: **“Này các Vương Tử nhóm Anuruddha, Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích lợi lộc trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩa: “Như vậy quần chúng sẽ biết ta”, mà Như Lai giải thích sự tái sinh các vị đệ tử đã từ trần đã mệnh chung nói rằng: “Vị này tái sinh ở chỗ này hoặc vị này tái sinh ở chỗ kia”. Và này các Vương Tử nhóm Anuruddha, có những thiện gia nam tử có tin tưởng với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao**

thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm nghe như thật. Như vậy này các Vương Tử nhóm Anuruddha, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy” .

Khi tu tập tâm BẤT ĐỘNG đó là sự giải thoát cho riêng mình nhưng trong tâm BẤT ĐỘNG nó có một sự hiểu biết ngoài tri kiến của mình. Ở đây đức Phật nói ra những điều này không phải vì khoe khoang, không phải làm cho người ta kính phục mình, không phải nói ra để được mọi người cúng dường nhiều vật chất, không phải nói ra để mọi người biết đến mình. Ở đây nói ra để mọi người hiểu trong tâm BẤT ĐỘNG có nhiều điều siêu việt mà không thể lấy trí thế gian nghĩ bàn.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Ở đây này các Vương Tử nhóm Anuruddha, các người có nghe: “Tỳ kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: “Vị ấy an trú chánh trí. Vị tôn giả ấy đã được thấy hay được nghe. Tôn giả này có giới hạnh như vậy, tôn giả này***

có trí tuệ như vậy, tôn giả này có an trú như vậy, tôn giả này có giải thoát như vậy. Tỳ kheo khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, an trú tâm trên như thật”.

Khi chúng ta tu tập chỉ cần diệt trừ được năm hạ phần kiết sử. Năm hạ phần kiết sử gồm có:

- 1- Tham kiết sử
- 2- Sân kiết sử
- 3- Thân kiến kiết sử (Mạn kiết sử)
- 4- Giới thủ kiến kiết sử
- 5- Nghi kiến kiết sử

Đúng như lời đức Phật dạy diệt năm hạ phần kiết sử, lúc chết liền được hóa sinh vào niết bàn không còn tái sinh làm người nữa: ***“Như vậy này các Anuruddha, tỳ kheo có nghe: “Tỳ kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế tôn có tuyên bố về vị này: “sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử vị ấy được hoá sanh, nhập niết bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa”.***

Khi còn sống giữ gìn được tâm BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ tức là tâm ly dục ly bất thiện pháp. Tâm ly dục ly bất thiện pháp là niết bàn. Cho nên sống với tâm BẤT ĐỘNG, THANH, THẢN, AN LẠC, VÔ SỰ là đã diệt trừ năm hạ phần kiết sử thì chết cũng ở chỗ BẤT ĐỘNG đó, nên gọi là nhập niết bàn. Như lời đức Phật đã dạy ở trên.





Đối với đạo Phật một người tu tập làm chủ sinh già, bệnh, chết mới có

quyền làm thầy dạy người khác tu tập. Còn khi tu tập chưa chứng đạo thì không được phép dạy ai tu tập cả, vì dạy như vậy sẽ nói sai không đúng pháp. Bởi vậy hiện giờ kinh sách Phật giáo đều do những người tu chưa chứng đạo viết, nên viết sai không đúng lời Phật dạy khiến cho người sau không biết đường lối tu tập.

Đức Phật đưa ra một ví dụ như một người chưa từng biết lõi cây mà không chịu thưa hỏi, tự mình đi vào rừng tìm lõi cây rồi chặt mang về một số cành lá nhưng trong trí cứ đinh ninh rằng mình đem lõi cây về nhà. Có một người hiểu biết lõi cây mới bảo rằng đây không phải lõi cây mà đây chỉ là cành lá của cây nó không dùng được: ***“Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi và tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: “Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ***

trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu”.

Đạo Phật tu hành không phải khó nhưng khó ở chỗ người dạy tu chưa chứng đạo vì tu chưa chứng đạo nên dạy tu sai pháp. Người tu chưa chứng đạo cũng giống người chưa biết lõi cây mà đi tìm lõi cây thì làm sao tìm được. Những ví dụ trên đây của đức Phật dạy quá thực tế, rõ ràng và cụ thể, không còn chỗ nào nghi ngờ.

Một người mới nghe được pháp xả tâm ly dục ly ác pháp bằng pháp như lý tác ý giữ tâm BÁT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC và VÔ SỰ là tuyệt vời về nhà tập thử thấy có kết quả xả được tâm dục và các ác pháp chút ít liền gặp ai cũng đem pháp này ra dạy đạo làm như mình đã chứng đạo. Đó

là một điều sai hết sức. Mình tu chưa xong mà đi dạy đạo là một việc làm cấm kỵ nhất trong Phật giáo.

Đạo Phật là đạo vô ngã thế mà đi dạy đạo lúc tu hành chưa xong thì chỉ có nuôi ngã làm cho ngã lớn hơn thì đó là đi ngược lại đạo Phật. Cũng giống như các sư thầy Đại Thừa dạy người cúng dường tam bảo sẽ được phước báu lớn. Đây cũng giống như người chặt lấy cành lá mà tưởng là lõi cây. Thật là vô minh mà không biết.

Lần thứ hai đức Phật lại nhắc nhở muốn tu hành chứng đạo thì chỉ có người tu chứng đạo mới dẫn dắt đi đến chứng đạo, còn những người chưa chứng đạo mà hướng dẫn tu chứng đạo thì cũng giống như người không biết lõi cây mà vào rừng chặt một miếng vỏ cây ngoài mang về và bảo đó là lõi cây. Người hiểu biết lõi cây bảo rằng đó chỉ là vỏ ngoài cây chứ không phải lõi cây. Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ***

trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Một người có mắt thấy vậy bèn nói: “Thật sự người này không biết lõi cây, không biết giác cây, không biết vỏ trong, không biết vỏ ngoài, không biết cành lá. Người này muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người này bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt mục đích mà lõi cây có thể thành tựu”.

Qua lời dạy trên đây của đức Phật chúng ta có thể nhận xét và biết rõ các sư thầy dạy người tu tập để làm chủ sinh, già, bệnh, chết mà chính các sư thầy cũng chưa làm chủ sinh, già, bệnh, chết. Vì vậy các sư thầy biết pháp gì làm chủ sinh, già, bệnh, chết mà dạy người tu.

Nhìn những tu sĩ Phật giáo hiện giờ chỉ lấy cái học bằng tiến sĩ này bằng tiến sĩ khác rồi dạy tín đồ tu tập. Các ông sư thầy tiến sĩ này cũng giống như những người đi

tìm lõi cây mà chẳng biết lõi cây, chặt lấy vỏ cây trong mà cho đó là lõi cây.

Trong kinh sách Phật dạy mọi người phải cân nhắc khi muốn làm thầy dạy người tu thì phải tu chứng đạo có nghĩa là làm chủ được bốn sự khổ đau của kiếp người sinh, già, bệnh, chết.

Người không hiểu biết lõi cây chặt lấy vỏ trong cây tưởng là lõi cây mang về bảo với mọi người là lõi cây. Việc làm đó cũng giống như các sư thầy Đại Thừa tu hành chưa chứng đạo lên tòa thuyết pháp dạy tín đồ lay sấm hồi hồng danh chư Phật để tiêu tai giải nạn và được nhiều công đức nhờ chư Phật gia hộ hoặc dạy niệm Phật cầu vãng sinh để khi chết được sinh về cõi cực lạc Tây Phương. Dạy đạo như vậy làm sao người tu hành làm chủ được sinh, già, bệnh, chết.

Một người không biết lõi cây, bỏ lõi, bỏ cành lá, bỏ vỏ ngoài, bỏ vỏ trong của cây mà chỉ lấy giác cây cho đó là lõi cây, hành động vậy làm sao làm chủ sinh, già, bệnh, chết được.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt lấy giác cây, mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu”.***

Một lần nữa đức Phật dạy: Người không biết lõi cây mà đi tìm lõi cây cũng giống như người chưa biết pháp tu mà nghe người ta dạy tu thì liền tu không cần tư duy suy nghĩ cho chín chắn nên đã tu sai pháp, vì thế mà tu không chứng đạo uống công sức và phí một đời tu tập.

Muốn tu chứng đạo thì nên tìm người tu chứng đạo. Người tu chứng đạo sẽ dạy như thế nào thì tu như thế nấy thì sẽ chứng đạo.

Cho nên trong cuộc đời tu hành phải tìm một người tu chứng, nhưng tìm một người tu chứng đạo là khó vô cùng.

Người tu không chứng đạo cũng giống như người không biết lõi cây. Các sư thầy

Đại Thừa và các Thiên sư Đông Độ không biết phương pháp tu tập làm chủ sinh, già bệnh chết mà dạy tín đồ kiến tánh thành Phật hay dạy chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền. Biết vọng liên buông Thiền Tông cũng giống như người lấy giác cây mà cho đó là lõi cây. Cho nên đức Phật dạy rất cụ thể: Một người không biết lõi cây, bỏ lõi, bỏ cành lá, bỏ vỏ ngoài, bỏ vỏ trong, chỉ lấy giác cây mà cho đó là lõi cây.

Do biết đời là đau khổ nên mới xuất gia tu hành từ bỏ gia đình, sống không nhà cửa chỉ ngày ngày đi xin ăn mà thôi, nhờ đó đời sống không bị ràng buộc bởi bất cứ một điều gì, nên mới gọi đó là giải thoát Chúng ta hãy lắng nghe lời Phật dạy: ***“Cũng vậy, này Bà-la-môn, ở đây, có người do lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình: “Do ta bị trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ, rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt”.***

Nhưng khi đã xuất gia làm một tu sĩ thọ giới cụ túc đầy đủ thì được phật tử cung

kính cúng dường, do cung kính cúng dường nên lợi dưỡng nhiều, vì vậy vị tu sĩ này chìm đắm trong danh vọng. Do chìm đắm trong danh vọng vị này không còn lo tu hành gì cả nên cuộc đời vẫn bị trôi lăn trong vòng sáu nẻo luân hồi khổ đau. Đức Phật biết rõ điều này nên cảnh giác các vị tu sĩ đã xuất gia thọ cụ túc giới: ***“Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: “Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy, còn các tỳ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền”. Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Nay Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ***

trong, bỏ qua vỏ ngoài, chặt cành lá, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người ấy sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Nay Bà-la-môn, Ta nói rằng: Người này giống như ví dụ ấy”.

Người xuất gia chỉ mới được sự cung kính cúng dường mà đã tự mãn thì cũng giống như người tìm lõi cây mới chặt được cành lá mà hân hoan cho mình đã được lõi cây thì đó là tự giết mình trên đường tu tập, vì con đường tu còn dài, chùng nào tu tập làm chủ sinh, già, bệnh, chết xong thì mới không còn tu tập nữa.

“Rồi vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, hoan hỷ, tự mãn. Vị ấy không vì lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn những lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy

thành tựu giới đức. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Vì thành tựu giới đức này, vị ấy khen mình, chê người: “Ta trì giới, theo thiện pháp. Các tỳ-kheo khác phá giới, theo ác pháp”. Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới đức. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Nay Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt lấy vỏ ngoài, lấy chúng mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Nay Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy”.

Người tu sĩ mới giữ được giới luật nghiêm chỉnh mà đã tự mãn thì cũng giống như người đi tìm lõi cây chỉ lấy vỏ ngoài cây

mà cho là lỗi cây thì thật là vô minh. Giữ giới nghiêm túc đâu phải là cứu cánh ở đây.

Mỗi chặng đường tu tập đức Phật thường cảnh giác để chúng ta lưu ý mà không bị dính mắc. Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp:

“Vì thành tựu giới đức này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không vì thành tựu giới đức này, khen mình, chê người. Và vị ấy phát khởi lòng ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới đức. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu Thiên định. Do thành tựu Thiên định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn. Do thành tựu Thiên định này, vị ấy khen mình, chê người: “Ta có Thiên định, nhất tâm. Các tỳ-kheo khác không có Thiên định, tâm bị phân tán”. Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu Thiên định. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ

động. Đây Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong cây, lấy vỏ trong mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Đây Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy”.

Người tu sĩ mới đạt được nhiếp tâm BẤT ĐỘNG một hai giờ mà đã tự mãn cho mình hơn người, không ai bằng mình đi ra khoe khoang nói với người này người khác ta đã BẤT ĐỘNG TÂM, người tu hành như vậy thì cũng giống như người đi tìm lõi cây chỉ lấy vỏ trong cây mà đã hân hoan la lối cho là lõi cây. Thật là ngu si, mê mờ không sáng suốt. Thấy được điều này đức Phật đã cảnh giác như lời dạy trên đây.

“Vị ấy thành tựu Thiên định. Vì thành tựu Thiên định này, vị ấy hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do thành tựu Thiên định này khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng

ao ước và cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn sự thành tựu Thiên định. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động. Vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy, do tri kiến này, hoan hỷ tự mãn. Vị ấy, do tri kiến này, khen mình, chê người: “Ta sống, thấy và biết. Các tỷ-kheo khác sống không thấy và không biết”. Và vị ấy không phát khởi lòng ao ước và không cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Vị ấy trở thành biếng nhác và thụ động. Nay Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi, tưởng rằng đó là lõi cây. Và người này sẽ không đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Nay Bà-la-môn, Ta nói rằng người này giống ví dụ ấy”.

Người tu sĩ mới thành tựu tri kiến giải thoát mà đã tự mãn cho mình hơn

người, không ai bằng mình, nhưng không ngờ tri kiến giải thoát của mình chỉ là tưởng giải nếu không cân nhắc kỹ lưỡng thì cũng giống như người đi tìm lõi cây chỉ lấy giác cây mà đã hân hoan cho là lõi cây. Thật là ngu si, mê mờ không sáng suốt. Thấy được điều này đức Phật đã cảnh giác như lời dạy trên đây.

“Vị ấy thành tựu tri kiến. Vị ấy do tri kiến này hoan hỷ nhưng không tự mãn. Vị ấy không do tri kiến này, khen mình, chê người. Vị ấy phát khởi lòng ao ước, cố gắng tinh tấn để chứng được các pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Vị ấy không trở thành biếng nhác và thụ động.

Và này Bà-la-môn, những pháp gì cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến? Ở đây, này Bà-la-môn, tỳ kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ kheo diệt tâm và tứ, chứng và

trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Nay Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiên thứ ba. Nay Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, tỳ-kheo nghĩ rằng: “Hư không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ. Nay Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ. Nay Bà-la-môn, pháp này cao thượng

hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỳ-kheo vượt mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Lại nữa, này Bà-la-môn, tỳ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng (định), sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này Bà-la-môn, pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến. Này Bà-la-môn, các pháp này cao thượng hơn, thù thắng hơn tri kiến.

Này Bà-la-môn, ví như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây. Trong khi đi tìm lõi cây, trước một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, người ấy chặt lõi cây, lấy và mang đi và tự biết đó là lõi cây. Và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thành tựu. Này

Bà-la-môn, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy”.

Chùng nào người tu sĩ nhập bốn thiên thực hiện tam minh làm chủ sinh, già, bệnh, chết thì đó mới là lõi cây. Vì thế đức Phật kết luận để chúng ta thấy rõ con đường tu tập phải qua nhiều chặng đường nhưng mục đích cuối cùng là TÂM BẤT ĐỘNG, chỉ có TÂM BẤT ĐỘNG mới làm chủ sinh, già, bệnh, chết. Đó mới chính là lõi cây.

“Như vậy, này Bà-la-môn, phạm hạnh này không phải vì lợi ích, lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu Thiên định, không phải vì lợi ích tri kiến. Và này Bà-la-môn, tâm giải thoát bất động chính là mục đích của phạm hạnh này, là lõi cây của phạm hạnh, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh”.

Bài thuyết pháp của đức Phật đến đây chấm dứt, nhưng nó xác định cho chúng ta biết các pháp tu tập không ngoài BA BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO. Khi ấy các vị Bà La Môn

được nghe bài pháp này và đại diện cho tất cả các Bà La Môn khác, Bà La Môn Pingalakoccha tán thán ca ngợi Phật:

“Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Pingalakoccha bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh Pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y tỳ kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!”

Đúng vậy chỉ có con đường của Phật giáo mới đưa loài người qua biển khổ luân hồi sinh tử. Chúng ta may mắn thay được sinh lên làm người và gặp được chánh pháp của Phật. Thật là phước báu nhiều đời đã có

gieo trồng. Nếu không gieo trồng làm sao đời này có duyên gặp lại.

Nhân nào quả nấy, trước không gieo trồng với chánh pháp thì kiếp này khó gặp chánh pháp. Phải không quý vị?





Rừng Núi là nơi yên tĩnh cho

người tu tập xả tâm ly dục ly bất thiện pháp. Vậy ai là người tu sĩ thì tìm nơi này ngồi kiết già lưng thẳng giữ tâm Bất Động, thanh thản, an lạc và vô sự.

Độc cư là một đức hạnh phòng hộ sáu căn mà người tu sĩ Phật giáo trong thời nào

cũng phải giữ gìn cho tròn đủ. Chúng ta hãy lắng nghe câu chuyện của ba vị tôn giả cùng nhập thất tu tập trong khu rừng SỪNG BÒ đã giữ gìn hạnh độc cư như thế nào?

Một hôm đức Phật đến thăm ba vị đệ tử của mình đang tu tập trong khu rừng SỪNG BÒ. Khi đức Phật bước vào khu rừng SỪNG BÒ thì người giữ rừng ra ngăn cản thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền bạch Thế Tôn:

“- Bạch Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba thiện nam tử đang trú tại đây, họ giữ hạnh độc cư miên mật tu hành. Ngài chớ có phiền nhiễu các vị ấy”.

Lúc bấy giờ ngài A Na Luật nghe thấy thế mới bảo người giữ rừng rằng: đức Phật là thầy của chúng tôi: ***“Tôn giả Anuruddha nghe người giữ rừng nói chuyện với Thế Tôn như vậy liền nói với người giữ rừng:***

- Nay người giữ rừng, chớ có ngăn chặn Thế Tôn. Thế Tôn là bậc Đạo Sư của chúng tôi đã đến thăm”.

Ngài A Na Luật mới đi gọi các bạn đồng tu của mình đến đón đức Phật: ***“Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya Tôn giả Kimbila và nói:***

- Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc đạo sư của chúng ta đã đến thăm.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát của Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn, sau khi ngồi, các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên”:

Khi ngồi xong vào chỗ ngồi đức Phật liền hỏi A Na Luật sự công phu tu tập của ba vị như thế nào?

“- Nay các Anuruddha, các Ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có khỏi mệt nhọc không?”.

Câu trên đây đức Phật hỏi này A Na Luật các ông nhiếp tâm có an trú được không? Khi xả ra có thấy yên vui không? Và đi xin ăn có mệt nhọc không?

Khi được hỏi như vậy ông A Na Luật thay các bạn trả lời:

“- Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành; bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui; bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực khỏi có mệt nhọc”.

Nghe để tử của mình trả lời như vậy đức Phật hỏi tiếp:

“- Nay các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?”

Ông A Na Luật thay hai bạn đồng tu trả lời tiếp:

“- Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm”.

Khi nghe ông A Na Luật trả lời chung chung như vậy đức Phật mới hỏi cận kề để người sau khi đọc đoạn kinh phải thông suốt chớ không phải đức Phật không hiểu ý các đệ tử của mình.

“- Này các Anuruddha, như thế nào các ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?”

Ông A Na Luật trả lời Phật nhưng chính là giải thích cho người đời sau nghe để hiểu biết thế nào là sống ĐỘC CỬ.

“- Bạch Thế Tôn, ở đây, chúng con nghe như sau: “Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta! Khi ta được sống với các vị đồng phạm hạnh như vậy”

Rất hạnh phúc khi cùng tu tập với những người quyết tâm tu tập thì luôn luôn giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm và hạnh độc cư trọn vẹn nên không làm động người khác, nên không nói chuyện, không ngó nhìn người khác, chờ người khác đi khát thực rồi mình mới đi chớ không đồng thời đi một lượt. Ông A Na Luật trả lời tiếp:

“- Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng”.

Chúng con sống hòa hợp như nước với sữa vì chúng con trước mặt cũng như sau lưng đều khởi LÒNG YÊU THƯƠNG bạn đồng tu của mình vì thế chúng con không có gì tranh cãi gây trở ngại trong sự tu tập của mình và các bạn. Đó là chúng con sống ĐỘC CỬ. Sống cùng ba người ở chung nhau trong một khu rừng nhưng tưởng chừng như mình sống một mình, vì sống ba người mà không ai nói chuyện với ai. Ông A Na Luật trả lời tiếp theo:

“- Bạch Thế Tôn, do vậy, chúng con nghĩ như sau: “Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này”.

Bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy.

Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân, nhưng giống như đồng một tâm.

Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm”.

Đúng vậy, sống ĐỘC CỬ là sống biết TÙY THUẬN, sống theo ý của người khác thì đó là sống hòa hợp như nước với sữa. Sống hòa hợp như nước với sữa là sống với LÒNG YÊU THƯƠNG, chỉ có lòng yêu thương mới sống trọn vẹn với bạn đồng tu. Bởi vậy muốn sống với lòng yêu thương trọn vẹn thì không có cách nào khác hơn phải từ bỏ sống theo tâm mình mà sống theo tâm các bạn. Ý kiến thực hiện LÒNG YÊU THƯƠNG bằng cách bỏ tâm mình sống theo tâm bạn tức là tùy thuận tâm bạn mà sống thì làm sao có xung đột tranh cãi, thì làm sao có chướng ngại pháp và như vậy mới gọi là SỐNG ĐỘC CỬ.

Rồi tôn giả Nandiya cũng nói như tôn giả A Na Luật, kể Tôn giả Kimbila cũng nói như tôn giả A Na Luật.

Tôn giả Nan Đà và tôn giả Kimbila cùng nói như tôn giả A Na Luật, vì thế đức Phật rất tán thán ca ngợi hạnh ĐỘC CỬ của ba vị tôn giả này và hỏi:

“- Lành thay! Lành thay! này Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?”

Được đức Phật hỏi vậy, ông A Na Luật thay các bạn trả lời:

“- Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần”.

Đức Phật bảo ông hãy giải thích như thế nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần?

“- Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?”

Ông A Na Luật giải thích lối sống ĐỘC CỬ của ba người cho đức Phật nghe để có sai chỗ nào thì đức Phật dạy sửa lại cho đúng hạnh độ cư của người tu.

“- Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, thì người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, thì người ấy, còn đồ ăn thừa nếu muốn ăn thì ăn, nếu không muốn ăn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng và người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghe nước uống, ghe nước rửa chân, hay ghe nước trong nhà cầu hết nước, trống không thì người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu ai làm không nổi với sức bàn tay của mình, thì người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: “Chúng ta hãy lo liệu (nước)”. Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy mà gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả đêm, chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp bằng cách im lặng. Như vậy, bạch Thế Tôn chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần”.

Sống Độc Cư như ba vị tôn giả này thật là tuyệt vời. Trong cuộc đời tu hành chúng ta khó thấy ai tu hành sống ĐỘC CƯ được như ba vị tôn giả này. Đời nay tu hành kỳ lạ, tu sĩ hay cư sĩ vào thất tu tập cứ sống ít hôm thì viết thư hỏi thầy điều này thế kia hoặc hỏi xin cái này cái khác. Tâm họ luôn luôn phóng dật phá hạnh độc cư mà không biết.

Đức Phật hỏi tiếp các ông sống độc cư trọn vẹn như vậy các ông có làm chủ sinh, già, bệnh, chết chưa?

“- Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, các Ông có chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái, an lạc không?”

Ông A Na Luật trình bày kết quả sự tu tập của mình trong khi sống trọn vẹn hạnh ĐỘC CƯ như vậy:

“- Bạch Thế Tôn, sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, đã lâu lắm rồi cho đến khi chúng con muốn, chúng

con ly dục, ly pháp bất thiện, chúng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ, có hỷ, có lạc, có nhất tâm. Như vậy, bậc Thế Tôn, đối với chúng con, là pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh; chúng con chúng được và sống thoải mái, an lạc, nhờ chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần”.

Đức Phật khen ngợi các ông tu tập vậy là đúng pháp, các ông có chúng được các pháp khác cao hơn chăng?

“- Lành thay! Lành thay! Này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chúng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?”.

Ông A Na Luật trả lời thay cho hai bạn đồng tu:

“- Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, bạch Thế Tôn, lâu nay cho đến khi chúng con muốn, chúng con diệt tâm diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc”.

Nghe xong đức Phật lại ca ngợi và khen tặng sự tu tập của ba vị tôn giả:

“- Lành thay! Lành thay! Nay các Anuruddha! Nay các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?”.

Ông A Na Luật trả lời tiếp:

“- Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, lâu nay cho đến khi chúng con muốn, chúng con ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiên thứ ba, Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, và sống thoải mái, an lạc.”

Nghe xong đức Phật lại ca ngợi khen tặng và hỏi tiếp:

“- Lành thay! Lành thay! Nay các Anuruddha! Nay các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?”

Mỗi lần hỏi là mỗi lần ông A Na Luật trả lời một cách phân minh rõ ràng:

“- Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây, lâu nay cho đến khi chúng con muốn, chúng con xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái an lạc”.

Nghe xong đức Phật rất hoan hỷ ca ngợi sự siêng năng tu tập của các các vị tôn giả:

“- Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này các Anuruddha, các Ông có vượt qua sự an trú kia, có làm cho khinh an sự an trú kia, và chứng được một pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc không?”.

Sau khi ông A Na Luật trình bày nhập các định hữu sắc xong thì đức Phật

muốn trải nghiệm xem các đệ tử của mình có thể nhập được các định vô sắc không? Tức là các loại định tưởng. Một khi đã nhập được các định hữu sắc thì các định vô sắc đối với các vị như A Na Luật đầu còn khó khăn, vì thế ông A Na Luật trình bày cách thức nhập KHÔNG VÔ BIÊN XÚ:

“- Bạch Thế Tôn, làm sao có thể không được. Ở đây lâu nay cho đến khi chúng con muốn, chúng con vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng; chúng con nghĩ rằng: “Hư không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ”.

Kế tiếp A Na Luật trình bày cách thức nhập THỨC VÔ BIÊN XÚ:

“- Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua sự an trú kia, làm cho khinh an sự an trú kia; chúng con chứng được pháp thượng nhân khác, một tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh và sống thoải mái, an lạc... (như trên)... Ở đây, lâu nay cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua mọi Không vô biên

xứ, nghĩ rằng: “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ... (như trên)...”.

Kế tiếp A Na Luật trình bày cách thức nhập VÔ SỞ HỮU XỨ:

“- Ở đây, lâu nay cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú Vô sở hữu xứ... (như trên)...”.

Kế tiếp A Na Luật trình bày cách thức nhập PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ:

“- Ở đây, lâu nay cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Kế tiếp A Na Luật trình bày cách thức nhập DIỆT THỌ TƯỚNG ĐỊNH:

“- Ở đây, lâu nay cho đến khi chúng con muốn; chúng con vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng định. Sau khi đã thấy nhờ trí tuệ, các lậu hoặc của chúng con được đoạn trừ”.

Kế tiếp A Na Luật trình bày khi nhập xong các loại tướng định thì mới thấy trí tuệ vô lậu. Đoạn kinh này chịu ảnh hưởng kinh sách phát triển. Khi nhập xong DIỆT THỌ TƯỚNG ĐỊNH thì mới có trí tuệ vô lậu. Trí tuệ VÔ LẬU xuất hiện khi TÂM BẤT ĐỘNG trên TỬ NIỆM XỬ bảy ngày đêm thì có TỬ THẦN TỨC. Trong TỬ THẦN TỨC có TUỆ NHƯ Ý TỨC. Trong TUỆ NHƯ Ý TỨC có LẬU TẬN MINH. LẬU TẬN MINH là trí tuệ VÔ LẬU. Cho nên kinh phát triển dạy sai không đáng tin cậy. Kinh phát triển dạy theo kiến giải sắp xếp theo thứ lớp từ định hữu sắc đến định vô sắc. Đạo Phật chỉ cần nhập được các định hữu sắc là đã tu tập xong. Còn các loại định tướng là các loại định của ngoại đạo.

Chúng ta nên nhớ kỹ lại khi đức Phật bỏ cung vàng điện ngọc đi tu thì gặp hai vị thầy ngoại đạo dạy đức Phật nhập các loại Định Tướng từ KHÔNG VÔ BIÊN XỬ TƯỚNG đến PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỬ. Khi nhập xong đức Phật thấy không làm chủ sinh, già, bệnh, chết nên Ngài ném bỏ như ném chiếc giày rách.

“- Chúng tôi không bao giờ nói với Tôn giả Anuruddha như sau: “Chúng tôi là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này”, và nhờ vậy, Tôn giả Anuruddha, trước mặt Thế Tôn, đã nêu rõ (các quả chứng) cho đến sự đoạn trừ các lậu hoặc.

Chư Tôn giả không nói với tôi như sau: “Chúng tôi là người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này”, nhưng với tâm của tôi, tôi biết được tâm của các Tôn giả: “Chư Tôn này là Người đã chứng và an trú quả này, an trú quả này”.

Bài kinh điều đáng lưu ý là sự sống của ba vị tôn giả luôn luôn giữ hạnh độc cư trọn vẹn, nhất là tu tập được cái gì cũng không khoe khoang nói cho người khác biết. Đó là điều cần phải ghi nhớ.

Bài kinh này được đem ra đây để mọi người thấu rõ biết cách ứng dụng BA MƯỚI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO vào đời sống tu tập của mình nhất là những gương hạnh sống ĐỘC CƯ và thực hiện các pháp làm chủ

sinh, già, bệnh, chết của ba vị tôn giả một cách thiết thực, cụ thể.



Tâm vô lậu

Mục đích

tu chứng đạo là

Tâm vô lậu

C húng ta hãy lắng nghe các vị đại

đệ tử của Phật mỗi người đều có một kinh nghiệm tu tập khác nhau, không ai tu tập giống ai nhưng kết quả tâm đều VÔ LẬU. VÔ LẬU là mục đích mà mọi người tu tập đều phải đạt được, như vậy mới gọi là giải thoát. Ông A Nan trình bày sự tu tập của mình theo đặc tướng như sau:

“- Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát; vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Ông A Nan đã trình bày sự hiểu biết tu hành của mình bằng cách nghe nhiều do ông làm thị giả Phật: Khi nghe Phật thuyết giảng là ông ghi nhận trong tâm từng lời nói, từng ý nghĩa, từng hành động tu tập từ thấp đến cao sơ thiện, trung thiện hậu thiện do sự tu tập như vậy sẽ làm sáng chói khu rừng Gosinga. Theo sự trình bày của ông A Nan tu hành rất căn bản: NGHE HIỂU RỒI THỰC HÀNH. Khi ông A Nan trình xong sự tu tập của mình thì ông Xá Lợi Phất hỏi tôn giả Revata:

“- Nay Hiền giả Revata, Tôn giả Ananda đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Nay Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Nay Hiền giả Revata, hạng tỳ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?”

Tôn giả Revata trình bày chỗ tu tập của mình là GIỮ GÌN TÂM THANH TỊNH BẤT ĐỘNG trong bất cứ giờ nào, ngày nào chỗ nào cũng ở trong trạng thái KHÔNG TỊCH thì sẽ làm sáng chói khu rừng

Gosinga. Đó là kinh nghiệm tu hành của tôi xin trình bày cho các tôn giả đang có mặt trong ngôi nhà mát được nghe:

“- Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu pháp tịnh chỉ, không gián đoạn tâm thanh tịnh (thiền định), thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Khi nghe xong sự trình bày tu tập của tôn giả Revata thì tôn giả Xá Lợi Phất hỏi tôn giả A Na Luật, còn ông tu tập như thế nào?

“- Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Anuruddha, hạng tỳ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Tôn Giả A Na Luật trả lời qua kinh nghiệm tu hành của mình:

“- Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Ngài A Na Luật trước khi gặp Phật pháp thì Ngài là người bị mù đôi mắt, nhưng khi gặp chánh pháp của Phật Ngài nỗ lực tu tập giữ tâm thanh tịnh bất động và chứng đạt Tâm BẤT ĐỘNG nên mỗi khi muốn nhìn thấy Ngài đều dùng Thiên nhãn của mình để thấy mọi vật chớ không còn là đôi mắt thường của chúng ta nữa. Cho nên Ngài trình bày chỉ có người tu tập có cái nhìn thanh tịnh không bị nhiễm ô các dục, không bị dao động bởi các ác pháp, cái nhìn

được như vậy thì sẽ làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe tôn giả A Na Luật trình bài xong thì tôn giả Xá Lợi Phất hỏi tôn giả Đại Ca Diếp còn tôn giả tu tập như thế nào?

“- *Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Này Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Kassapa, hạng tỳ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?*”.

Nghe hỏi như vậy tôn giả Đại Ca Diếp trình bày sự tu tập của mình:

“- *Ở đây, này Hiền giả Sariputta, tỳ-kheo, tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi, tự mình sống khát thực, và tán thán đời sống khát thực, tự mình mặc y phẩn tạo và tán thán hạnh mặc y phẩn tạo, tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y, tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục, tự mình sống biết đủ và tán*

thán hạnh biết đủ, tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư, tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục, tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn, tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh, tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định, tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ, tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát, tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến. Nay Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Ngài Đại Ca Diếp trình bày sự tu tập của mình qua các hạnh buông xả của một người xuất gia ly gia cắt ái sống không gia đình không nhà cửa chỉ còn ba y một bát đi xin ăn hằng ngày ai cho sao cũng ăn được không chê cũng không khen.

Tự mình thích sống trong rừng núi thanh vắng, tự mình thích sống đi khát

thực, tự mình thích mặc y áo thô xấu, tự mình thích sống ba y một bát, không thích nhiều đồ, tự mình thích sống thiếu dục tri túc, từ thích sống độc cư, không thích nói chuyện với bất một người nào, tự mình thích sống không đảm nhiệm thế tục, tự mình thích sống siêng năng, tự mình thích sống giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh, tự mình thích sống tinh tấn giữ gìn tâm BẤT ĐỘNG, THANH THẢN, AN LẠC và VÔ SỰ, tự mình thích sống với tri kiến giải thoát. Sống như ngài Đại Ca Diếp như vậy là đã giải thoát chúng đạo rồi còn gì mà không làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi ngài Đại Ca Diếp trình bày xong thì ngài Xá Lợi Phất hỏi tôn giả Đại Mục Kiền Liên, còn kinh nghiệm tu hành của Ngài như thế nào?

“- Hiền giả Moggallana, Tôn giả Mahakassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahamoggallana: Nay Hiền giả Moggallana, khả ái thay khu rừng Gosinga!... Nay Hiền giả

Moggallana, hạng tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?”.

Khi nghe tôn giả Xá Lợi Phật hỏi như vậy thì tôn giả Đại Mục Kiền Liên trả lời như sau:

“- Ở đây, này Hiền giả Sariputta, hai Tỳ-kheo đàm luận về Abhidhamma (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại (không trả lời được), và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Này Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Tôn giả Mục Kiền Liên là người đệ nhất thần thông trong các hàng đệ tử của Phật, sao ông không đem pháp tu hành nào mà có được thần thông đó. Ở đây ông lại đem bộ luận A-Tỳ-Đàm ra luận bàn thì chúng tôi tin rằng đây có phải là ông Mục Kiền Liên trả lời hay là người sau thêm vào để hạ bệ các hàng đệ tử của Phật. Luận A-Tỳ-Đàm là một bộ sách lý luận chớ đâu phải là những hành động tu tập thanh tịnh làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Ở đây chúng ta không được ngài Mục Kiền Liên trình bày sự tu tập như thế nào để trở thành một người đệ tử đệ nhất thân thông của Phật, nhưng chúng ta cũng biết Thân thông đệ nhất đều xuất phát từ tâm BẤT ĐỘNG, dù muốn dù không thì ngài Mục Kiền Liên phải sống trong tâm BẤT ĐỘNG suốt trong bảy ngày đêm thì mới gọi là đệ nhất thân thông.

Khi tôn giả Đại Mục Kiền Liên trả lời xong liền hỏi lại tôn giả Xá Lợi Phất còn Ngài tu hành như thế nào?

“- Hiền giả Sariputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sariputta: Nay Hiền giả Sariputta, khả ái thay, khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây Ta-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi. Nay Hiền giả Sariputta, hạng tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?”

Nghe hỏi như vậy tôn giả Xá Lợi Phất trình bày sự tu tập của mình để huynh đệ cùng nghe:

“ Ở đây, này Hiền giả Moggallana, tỳ-kheo điều phục được tâm, không phải tỳ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Hiền giả Moggallana, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau. Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều. Cũng vậy, này Hiền giả Moggallana, tỳ-kheo điều phục được tâm, không phải tỳ-kheo không điều phục được tâm. An trú quả nào tỳ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào tỳ-kheo ấy muốn an trú vào

buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị tỳ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Nay Hiền giả Moggallana, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Sự trình bày tu tập của ông Xá Lợi Phất nhiếp tâm và an trú tâm, muốn hỏi nào đều làm được hỏi này.

“1- Tỳ-kheo điều phục được tâm, không phải tỳ-kheo không điều phục được tâm.

2- An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều”.

Khi trình bày sự tu tập cho mọi người nghe xong thì tôn giả Xá Lợi Phất đề nghị các tôn giả nên đem đến hỏi Phật qua kinh nghiệm tu hành của mình đúng sai để đức Phật chỉnh sửa lại. Lời đề nghị quá hợp lý

nên mọi tôn giả đều rủ nhau đến chỗ Phật để thưa hỏi cho cặn kẽ. Nhất là mọi vị đều thuật lại những công phu tu hành của mình cho đức Phật nghe:

Sau khi nghe xong các tôn giả trình bày, đức Phật chỉ trả lời ngắn gọn mà không phê bình một tôn giả nào tu tập sai pháp cả, có nghĩa là đức Phật chấp nhận các tôn giả đều tu tập đúng nhưng có điều là các ông không khéo trả lời, chỉ thẳng tâm **BÁT ĐỘNG**.

Đạo Phật tu hành rất đơn giản không có khó khăn không có mệt nhọc, không có cầu kỳ như các tôn giả trình bày pháp tu tập.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật trả lời pháp môn tu hành một cách đơn giản:

“Này Sariputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời. Và này các ông hãy nghe Ta nói hạng tỳ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga? Ở đây, này Sariputta, tỳ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực về, ngồi kiết già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: “Ta sẽ không bỏ ngồi kiết

già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ”. Này Sariputta, hạng tỳ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga”.

Lời dạy của đức Phật tu hành rất đơn giản: **“Ta sẽ không bỏ ngôi kiết già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ”.**

Quý vị có nghe lời dạy này không? Tu hành chỉ cần ngôi kiết già hay bán già rồi khéo tác ý để giữ tâm giải thoát các lậu hoặc và không để tâm dính mắc chỗ nào cả tức là không chấp thủ. Tu tập có như vậy mà quý vị sao bị chấp thủ quá nhiều nào là tâm hết vọng tưởng, nào là tâm thanh tịnh, nào là khinh an hỷ lạc, nào là hơi thở nhẹ nhàng, nào là vui mừng hết cỡ, nào là xúc động rơi nước mắt, nào là kiến tánh thành Phật, nào là niệm Phật nhất tâm, nào là biết vọng liền buông, nào là tham công án, tham thoại đầu v.v... Tất cả những tâm niệm này là tâm chấp thủ.

Tu tập ở đây đức Phật dạy rất đơn giản chỉ ngôi kiết già lưng thẳng rồi giữ

tâm không lậu hoặc và không để tâm dính mắc một cái gì khác. Xin quý vị lưu ý GIỮ TÂM KHÔNG LẬU HOẶC không có nghĩa là giữ tâm không vọng niệm mà GIỮ TÂM KHÔNG GIẬN HỜN, THƯƠNG, GHÉT, LO BUỒN, SỢ HÃI v.v... Ở đây có nghĩa là TÂM THANH THẢN, AN LẠC VÀ VÔ SỰ. Khi đức Phật xác định pháp môn tu tập đơn giản còn các vị đệ tử trình bày pháp môn tu tập quá khó khăn và rất phức tạp.







Tu theo Phật giáo là bắt đầu tu tập pháp ly dục ly bất thiện pháp mà ly dục ly bất thiện pháp là phải dùng tri kiến, nhưng tri kiến phàm phu không thể giải thoát được, vì thế phải sử dụng tri kiến giải

thoát, nhưng tri kiến giải thoát thì phải học tập. Trong đạo Phật có mười một tri kiến giải thoát. Bởi vậy người nào muốn tu theo Phật giáo để được giải thoát đều phải học những tri kiến này. Vậy mười một tri kiến giải thoát này như thế nào?

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật giải thích mười một tri kiến giải thoát để mọi người cùng hiểu biết rõ ràng hơn, để áp dụng vào con đường tu tập của mình đến nơi, đến chốn, để kết quả đạt được tâm BẤT ĐỘNG hoàn toàn.





Đây là tri kiến giải thoát thứ nhất chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy:

“Tri kiến giải thoát thứ nhất: Chư tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không biết rõ các sắc? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo đối với sắc pháp không như thật biết tất cả loại sắc thuộc bốn đại và sắc do bốn đại hợp thành. Như vậy, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không biết rõ các sắc”.

Câu này đức Phật dạy rất rõ, nói đến SẮC là phải hiểu: SẮC do BỐN ĐẠI hợp thành, không có SẮC nào mà ngoài BỐN ĐẠI mà có được. Vậy SẮC do BỐN ĐẠI hợp thành là gì?

Bốn đại là ĐẤT, NƯỚC, GIÓ, LỬA. Một vị Tỳ kheo tu theo Phật giáo mà không hiểu SẮC là do ĐẤT, NƯỚC, GIÓ, LỬA hợp thành thì không phải là vị Tỳ kheo đệ tử Phật.

Một người hiểu rõ SẮC là do BỐN ĐẠI hợp thành mà SẮC hợp thành là pháp VÔ THƯỜNG mà vô thường là khổ. Do hiểu biết như vậy nên người ấy không dính mắc và không chấp đắm vào SẮC tức là không chấp đắm vào thân TỬ ĐẠI. Không chấp đắm vào thân TỬ ĐẠI là người có tri kiến giải thoát thứ nhất.



Tri kiến

giải thoát

thứ II

Đây là tri kiến giải thoát thứ hai, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy:

“Tri kiến giải thoát thứ hai: Chư tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không khéo phân biệt các tướng? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không như thật biết kẻ ngu và nghiệp tướng của người đó, kẻ trí và nghiệp tướng của người đó. Như vậy, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không khéo phân biệt các tướng”.

Tri kiến thứ nhất nói về SẮC còn ở đây đức Phật dạy tri kiến thứ hai nói về NGHIỆP TƯỚNG. Vậy NGHIỆP TƯỚNG là cái gì?

Như quý vị đều biết con người ai cũng có thân, nhưng thân do bốn đại: ĐẤT, NƯỚC, GIÓ, LỬA hợp lại mà thành gọi là SẮC THÂN. Nhưng tại sao mọi người lại có sắc thân khác nhau; người có sắc thân to lớn; người có sắc thân nhỏ bé; người có sắc thân đẹp đẽ, người có sắc thân xấu xí; người có sắc thân trắng trẻo; người có sắc thân đen thui, đen thít v.v... Tất cả những hình tướng sai khác của thân người này không giống với thân người kia đều được gọi là NGHIỆP TƯỚNG.

Cho nên trên sắc thân của mọi người đều có TƯỚNG RIÊNG BIỆT. Vậy tướng riêng biệt của mọi người này từ đâu mà có?

Do từ nghiệp mà có các TƯỚNG RIÊNG này. Vậy NGHIỆP là cái gì?

NGHIỆP là những hành động của Ý THỨC, của LỜI NÓI, của TAY CHÂN. Ba chỗ này thường là nơi xuất phát NGHIỆP. Cho nên NGHIỆP gồm có NGHIỆP THIỆN, NGHIỆP ÁC.

NGHIỆP THIỆN là những hành thân, miệng, ý làm việc lành, còn NGHIỆP ÁC là do hành động thân, miệng, ý làm việc ác. Làm việc lành là không làm khổ mình khổ người, còn làm việc ác là làm khổ mình khổ người. Cho nên trong đạo Phật xác định rất rõ thiện ác phân minh không thể lẫn lộn được.

Các tướng riêng biệt của mỗi người khác nhau là do làm thiện nhiều hay làm thiện ít hoặc làm ác nhiều hay làm ác ít. Do sống ác hay thiện mà tướng có đẹp xấu, có cao thấp, có tật nguyên hay không tật nguyên. Có kẻ ngu lại có người thông minh đó đều do nghiệp mà ra cả.

Tướng theo nghiệp mà có nên nghiệp
đâu thì xác định tướng đấy.

Nhờ có tri kiến về TƯỚNG nên chúng
ta sống trong chánh nghiệp thường làm
những điều thiện và tăng trưởng những điều
thiện.

Đây là tri kiến về NGHIỆP TƯỚNG,
nhờ hiểu biết về NGHIỆP TƯỚNG nên
thân tâm không làm điều ác. Đó là tri kiến
giải thoát thứ hai trong đạo Phật.



Tri kiến

giải thoát

thứ III

Đây là tri kiến giải thoát thứ ba.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: “**Tri**

kiến giải thoát thứ ba: Chư tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không trừ bỏ trứng con bò chét? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo thọ dụng dục tâm khởi lên, không từ bỏ, không tránh né, không chấm dứt, không làm cho không tồn tại, thọ dụng sân tâm khởi lên... (như trên)... thọ dụng hại tâm khởi lên... (như trên)... thọ dụng các ác, bất thiện pháp khởi lên, không từ bỏ, không tránh né, không chấm dứt, không làm cho không tồn tại. Như vậy, này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo không trừ bỏ trứng con bò chét”.

Nếu một người có tri kiến giải thoát thứ ba này thì rất thông suốt những tâm niệm ham muốn, những tâm niệm sân hận, những tâm niệm làm khổ mình làm khổ người. Khi những tâm niệm đó khởi lên nhất định họ không bao giờ nuôi dưỡng lòng ham muốn, lòng sân hận, lòng làm khổ mình khổ người. Họ sẽ chấm dứt, diệt ngay những tâm niệm ấy. Những tâm niệm ấy là những tâm niệm đau khổ. Bởi tri kiến giải thoát thứ ba là tri kiến hiểu về lòng ham muốn, về lòng sân giận, về những ý suy nghĩ làm khổ mình, khổ người. Khi tri kiến

hiểu rõ các ác pháp đó thì khi tâm niệm khởi lên những ác pháp đó nó liền diệt và loại trừ ra khỏi tâm.

Tóm lại chúng ta đã học được ba tri kiến giải thoát:

1- Tri kiến về SẮC THÂN do BỐN ĐẠI hợp thành.

2- Tri kiến về NGHIỆP TƯỚNG.

3- Tri kiến về DỤC TÂM, SÂN TÂM, HẠI TÂM.





Kế tiếp chúng ta học tri kiến thứ tư. Muốn hiểu rõ tri kiến giải thoát thứ

tư thì chúng ta hãy nghe lời dạy của đức Phật: **“Tri kiến giải thoát thứ tư: Và này các tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không băng bó vết thương? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì làm cho con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; tỳ-kheo không tự chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì con mắt, không thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vì ấy nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên; tỳ-kheo không chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì ý căn, không thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo không băng bó vết thương”**.

Tri kiến giải thoát thứ tư là tri kiến phòng hộ sáu căn tức là sự hiểu biết giữ gìn

mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình không cho dính mắc chấp đắm sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Muốn giữ gìn được như vậy thì phải sống độc cư trọn vẹn. ĐỘC CƯ là một phương pháp phòng hộ sáu căn đê nhất. Người biết sống ĐỘC CƯ là người có tri kiến giải thoát thứ tư.



Tri kiến

giải thoát

thứ V

Tri kiến giải thoát thứ năm, muốn hiểu rõ nó chúng ta hãy lắng nghe đức Phật

dạy: **“Tri kiến giải thoát thứ năm: Và này các tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không xông khói? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không có thuyết giảng rộng rãi cho các người khác biết Chánh pháp mình được nghe, được thọ trì. Như vậy, này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo không xông khói”.**

Khi chúng ta đã thông suốt bốn tri kiến giải thoát trên đây là chúng ta có một đời sống bình an không có một ác pháp nào tác động làm tâm chúng ta buồn khổ lo rầu ưu bi phiền não. Khi tâm chúng ta được giải thoát như vậy chúng ta nên đem dạy lại cho người khác hiểu biết để mọi người được giải thoát như chúng ta.

Đến tri kiến giải thoát thứ năm Phật dạy: Mình nên đem những điều hiểu biết của mình đã được giải thoát dạy lại cho người khác để họ cùng giải thoát như mình.

Tri kiến giải thoát thứ năm là thực hiện lòng tốt của mình với mọi người, đem sự lợi ích của mình cho mọi người để cùng nhau lợi ích.



Tri kiến

giải thoát

thứ VI

Đến tri kiến giải thoát thứ sáu,
chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: **“Tri**

kiến giải thoát thứ sáu: Và này, các tỳ-kheo, như thế nào là tỳ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo thỉnh thoảng có đến gặp những tỳ-kheo đa văn được trao cho truyền thống giáo điển, những bậc trì Pháp, trì Luật, trì matika (các bản tóm tắt) nhưng không hỏi, không trả lời các vị ấy: “Thưa Tôn giả, điểm này là thế nào? ý nghĩa này là gì?”. Những bậc Tôn giả ấy không làm cho hiển lộ những điều chưa hiển lộ, không làm cho rõ ràng những điều chưa được rõ ràng, và đối với những nghi vấn về Chánh pháp, các vị ấy không đoạn trừ nghi vấn. Như vậy, tỳ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua”.

Tri kiến giải thoát thứ sáu là tri kiến giải trừ mọi tâm nghi ngờ nó giúp cho mọi người không còn nghi ngờ Chánh pháp của Phật.

Đạo Phật dạy tu tập sẽ làm chủ bốn sự đau khổ: SINH, GIÀ, BỆNH, CHẾT, nhưng có người không tin cho rằng lời dạy

này là lương gặt người chớ làm gì mà làm chủ được sự sống chết.

Khi gặp trường hợp như vậy chúng ta giải thích cho họ hiểu biết cách thức làm chủ như thế nào.

Làm chủ SINH tức là làm chủ cuộc sống, làm chủ cuộc cuộc sống là làm chủ tâm mình. Ví dụ có người chửi mắng mình, mình không chửi mắng lại mà tâm vẫn an vui không giận hờn oán ghét người đó. Muốn được tâm như vậy thì chúng ta phải hiểu: Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta đều do nhân quả tác thành, vì thế những ác pháp đến với chúng ta là do trước kia chúng ta đã mang nhân quả ác đến với những người khác, bây giờ phải trả quả do nhân đời trước đã làm. Hiểu nhân quả được như vậy là tâm chúng an vui mà không tức giận phiền não. Hiểu được như vậy tức là tri kiến giải thoát chúng ta đã có.

Trên đời người ta hay tự làm khổ mình bằng cách NGHI NGỜ, người ta nói xấu mình, người ta hại mình v.v... Do sự nghi ngờ này mà làm chúng ta rất đau khổ tâm không được an vui.

NGHI NGỜ là một ác pháp chúng ta hãy cố gắng khắc phục và diệt trừ cho hết tâm NGHI NGỜ. Hết tâm NGHI NGỜ là được giải thoát.

Tri kiến giải thoát thứ sáu là tri kiến dẹp trừ tâm NGHI NGỜ, phá vỡ tâm NGHI NGỜ. Nếu chúng ta có tri kiến giải thoát thứ sáu là chúng ta không còn tâm NGHI NGỜ. Vì vậy chúng ta luôn luôn hãy sống với tri kiến giải thoát thứ sáu để cứu mình ra khỏi tâm NGHI NGỜ.





Tri kiến giải thoát thứ bảy là tri kiến thông suốt pháp và luật của đức Phật.

Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: **“Tri kiến giải thoát thứ bảy: Và chư tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không biết rõ chỗ nước uống? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo, trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết được giảng dạy, không chứng đạt nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, không chứng đạt sự hân hoan liên hệ đến Pháp. Như vậy, này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo không biết chỗ nước uống”**.

Tri kiến giải thoát thứ bảy là tri kiến pháp tu tập làm chủ sinh, già, bệnh, chết và giới luật đức hạnh của Phật. Đó là tri kiến rất cần thiết cho một người tu theo Phật giáo. Vì không hiểu giới luật và pháp tu tập làm chủ sinh già, bệnh, chết của Phật giáo, cho nên tri kiến giải thoát thứ bảy này đã xác định được ai là đệ tử Phật và ai là đệ tử của ngoại đạo.

Khi chúng ta có tri kiến giải thoát thứ bảy thì ngoại đạo không lường gạt chúng ta được. Bởi vậy kinh sách phát triển và Thiên Tông chỉ gạt những người không có tri kiến thứ bảy. Khi chúng ta đã học đến

tri kiến thứ bảy đã làm chúng ta sáng suốt về Phật giáo hơn nữa.





Tri kiến giải thoát thứ tám là một tri kiến giúp chúng ta hiểu rõ đường lối tu

tập của Phật giáo. Vậy chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Tri kiến giải thoát thứ tám: Và này các tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không biết về con đường. Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không như thật biết con đường Thánh đạo Tám ngành. Như vậy, này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo không biết đến con đường”.***

Đến với đạo Phật là đến với con đường BÁT CHÁNH ĐẠO, chỉ có đạo Phật mới có con đường này. Cho nên tri kiến giải thoát thứ tám xác định cho chúng ta biết. Người đến với đạo Phật mà không hiểu BÁT CHÁNH ĐẠO là không có tri kiến giải thoát thứ tám. Khi có tri kiến giải thoát thứ tám thì tà giáo ngoại đạo không thể lừa đảo được. Tà giáo ngoại đạo không thể có con đường BÁT CHÁNH ĐẠO. Khi có tri kiến giải thoát thứ tám thì Đại Thừa và Thiên Tông không thể lừa gạt chúng ta được mặc dù chúng mạo nhận BÁT CHÁNH ĐẠO nhưng chúng chẳng rõ phương pháp và cách tu tập.

Ví dụ:

1- Lớp CHÁNH KIẾN là phải học tri kiến giải thoát thứ nhất thấy SẮC là bốn duyên hòa hợp mà thành.

2- CHÁNH TƯ DUY là sự suy tư không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sinh.

3- CHÁNH NGŨ là lời nói phải ôn tồn nhã nhặn nhẹ nhàng êm ái khiến người nghe được an vui, không buồn rầu tức giận.

4- CHÁNH NGHIỆP là tất cả hành động thân miệng ý đều phải thực hiện những điều lành và luôn luôn ngăn những hành động làm những điều ác.

5- CHÁNH MẠNG là nuôi mạng sống bằng những thực phẩm không có giết hại chúng sinh, không có sự đau khổ, không có kêu la thảm thiết.

Trong năm lớp này toàn là học tập GIỚI LUẬT ĐỨC HẠNH mà đức Phật đã dạy trong kinh Phạm Võng.

6- Lớp CHÁNH TINH TẤN thì chúng ta tu tập pháp môn TỬ CHÁNH CẦN hằng ngày ngăn ác và diệt ác pháp.

7- Lớp CHÁNH NIỆM thì chúng ta tu tập pháp môn TỬ NIỆM XỨ.

8- Lớp CHÁNH ĐỊNH thì chúng ta nhập các loại định như: SỞ THIỀN, NHỊ THIỀN, TAM THIỀN, TỬ THIỀN và thực hiện TAM MINH đến đây là con đường tu tập của Phật giáo là xong.

Tri kiến giải thoát thứ tám là tri kiến hiểu biết về BÁT CHÁNH ĐẠO.

Tri kiến giải thoát thứ chín là tri kiến TỬ NIỆM XỨ, nếu cuộc đời tu hành của chúng ta mà không có tri kiến này thì không bao giờ chúng ta tập làm chủ sinh, già, bệnh, chết được. Bởi vậy tri kiến TỬ NIỆM XỨ rất quan trọng cho cuộc đời tu hành của chúng ta.





Ngoài pháp môn TỬ NIỆM XỨ
đạo Phật không còn có một pháp môn nào

tu chúng đạo cả. Cho nên ngoại đạo không bao giờ tu chúng đạo vì không có pháp môn TỨ NIỆM XỨ. Chúng hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Tri kiến giải thoát thứ chín: Và này các tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo không khéo léo với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ? Ở đây, này các tỳ-kheo, tỳ-kheo không như thật biết về Bốn Niệm xứ. Như vậy này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo không khéo léo với các chỗ đàn bò có thể ăn cỏ”.***

Như vậy pháp môn TỨ NIỆM XỨ rất quan trọng cho con đường tu tập của chúng ta đi đến giải thoát thì tri kiến giải thoát thứ chín là điều chúng ta cần phải học tập cho nhuần nhuyễn.

Khi tu tập pháp môn TỨ NIỆM XỨ thì phải tu tập cho đúng cách của pháp môn TỨ NIỆM XỨ. Trong kinh TỨ NIỆM XỨ Phật dạy TRÊN THÂN QUÁN THÂN nhưng nếu ai chưa tu tập TỨ CHÁNH CĂN mà vội tu tập TỨ NIỆM XỨ thì ngay đó bị ức chế tâm mà trở thành bị tẩu hỏa nhập ma. Cho nên tu tập TỨ NIỆM XỨ là tâm phải hết hôn trầm thù miên và loạn tưởng,

nếu còn hôn trầm loạn tưởng thì không nên tu tập TỨ NIỆM XÚ.

Cho nên trong tri kiến giải thoát nó đứng vào hành thứ chín như vậy người sơ cơ mới tu tập thì không nên tu tập mà chỉ biết trong học tập.





Tri kiến giải thoát thứ mười là tri kiến biết đủ tức là tri kiến thiếu dục tri túc.

Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Tri kiến giải thoát thứ mười: Và này các tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo vắt sữa cho đến khô kiệt? Ở đây, này các tỳ-kheo, khi các vị tại gia vì lòng tin cúng dường các vật dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, tỳ-kheo không biết nhận lãnh cho được vừa đủ. Như vậy, này các tỳ-kheo, là Tỳ-kheo vắt sữa cho đến khô kiệt”***.

Người tu sĩ Phật giáo mà không biết đủ, không thiếu dục tri tức là không phải là người tu sĩ Phật giáo mà là người tu sĩ của ngoại đạo. Người tu sĩ ngoại đạo tham danh tham lợi ham mê của cúng dường của đàn na thí chủ.

Tri kiến giải thoát thứ mười xác định cho chúng ta biết làm tu sĩ Phật giáo thì phải buông xả tất cả vật chất xuống hết, đời sống chỉ còn ba y một bát, lúc nào cũng xin ăn ai cho gì ăn nấy không nên khen chê. Ăn mặc bằng vải thô xấu, vá víu mới đúng hạnh người tu sĩ ra khỏi cuộc đời.

Được nghĩ và sống như vậy là người đã thực hiện tri kiến giải thoát thứ mười,

tri kiến buông xả, tri kiến thiếu dục tri túc mà người tu sĩ cần phải thực hiện không thể viện cứ này hay cứ khác.

Tri kiến giải thoát thứ mười một là tri kiến tôn kính tôn trọng những bậc tu hành chân chánh giới luật tinh nghiêm. Không được khinh khi những bậc trưởng lão trong hàng tu sĩ mặc dù họ không lãnh chức vụ gì trong giáo hội, nhưng họ là những người đã tu tập lâu năm chúng ta là những người hậu học nên phải cung kính tôn trọng họ. Khi gặp họ phải biết nhường chỗ ngồi chỗ tốt cho họ hoặc giúp đỡ họ khi họ đi đứng không vững vàng.





Hành động biết kính trên
nhường dưới là tri kiến giải thoát thứ mười

một mà một người tu sĩ như chúng ta rất cần học hỏi để trở thành một thói quen cung kính và tôn trọng mọi người. Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Tri kiến giải thoát thứ mười một: Và này các tỳ-kheo, thế nào là tỳ-kheo, đối với những Thượng tọa trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc tôn túc trong Tăng giới, bậc lãnh đạo trong Tăng giới, không có sự tôn kính, sự tôn trọng đặc biệt? Ở đây, này các tỳ-kheo, đối với Thượng tọa, trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc tôn túc trong Tăng giới, bậc lãnh đạo trong Tăng giới, không có thân nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy, trước mặt và sau lưng, không có khẩu nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy, trước mặt và sau lưng, không có ý nghiệp đầy lòng từ đối với các vị ấy, trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các tỳ-kheo, là tỳ-kheo đối với những Thượng tọa, Trưởng lão, xuất gia đã lâu ngày, bậc tôn túc trong Tăng giới, bậc lãnh đạo trong Tăng giới, không có sự tôn kính, sự tôn trọng đặc biệt. Này các tỳ-kheo, tỳ-kheo nào không đầy đủ***

mười một pháp này, thì không thể lớn mạnh, tăng thịnh, thành mãn trong Pháp, Luật này”.

Mười một tri kiến giải thoát này nếu ai biết áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình cũng đã thấy tâm BẤT ĐỘNG chớ đâu cần phải tu tập nhiều pháp đâu. Mười một tri kiến này tu tập cũng đủ cho chúng ta ly dục ly bất thiện pháp. Bởi vậy đạo Phật đâu có ngôi thiên nhiều để ức chế ý thức mà chỉ có xả tâm thành tựu đạo giải thoát. Thiên của Phật giáo là TÂM BẤT ĐỘNG trong việc xả tâm ly dục ly bất thiện pháp chứ không phải tâm BẤT ĐỘNG bằng cách ức chế ý thức không cho niệm khởi như kiểu Thiên Tông Trung Quốc.

Đọc qua bài kinh này chúng ta phải nhớ lấy mười một tri kiến này để chúng ta tu tập không sai đường lạc lối và cũng không pháp môn nào của ngoại đạo lừa gạt mình được.





Một người tu theo đạo Phật mà không biết các quả tu trong Phật giáo thì

cũng giống như người đi đường mà không biết những chặng đường đến đâu.

Ví dụ: Đường từ Trảng Bàng về TP Hồ Chí Minh phải đi qua bao nhiêu chặng đường:

1- Chặng đường thứ nhất từ Trảng Bàng đến Suối Sâu.

2- Chặng đường thứ hai từ Suối Sâu đến Suối Cụt.

3- Chặng đường thứ ba từ Suối Cụt đến Củ Chi.

4- Chặng đường thứ tư từ Củ Chi đến Tân Phú Trung.

5- Chặng đường thứ năm từ Tân Phú Trung đến Hóc Môn.

6- Chặng đường thứ sáu từ Hóc Môn đến Trung Chánh.

7- Chặng đường thứ bảy Từ Trung Chánh đến Bà Quẹo.

8- Chặng đường thứ tám từ Bà Quẹo đến Tham Lương.

9- Chặng đường thứ chín từ Tham Lương đến ngã tư Bảy Hiền.

10- Chặng đường thứ mười từ Bảy Hiền đến chợ Bến Thành.

Con đường tu tập theo Phật giáo cũng vậy mỗi chặng đường tu tập đều có kết quả. Cho nên người tu sĩ tu tập phải nhận biết điều này để khi tu tập tới đâu mình đều biết, nếu không biết giống như người mù sờ voi. Vậy chúng ta hãy lắng nghe lời đức Phật dạy: ***“Này các tỳ-kheo, tại Magadha có người chặn bò vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quan sát bờ bên này sông Hằng, không quan sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không có thể lội qua được. Này các tỳ-kheo, những con bò xô nhau tụ lại giữa dòng sông Hằng và gặp tai nạn tại nơi đây”***.

Một ví dụ đức Phật đã giúp chúng ta thấy rất rõ ràng vì vô trí của người chặn bò mà bầy bò gặp tai nạn giữa dòng sông Hằng. Cho nên người tu hành để tìm cầu sự làm chủ sinh, già, bệnh, chết thì phải biết tất cả các quả chứng trên đường tu tập.

Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy tiếp: ***“Cũng vậy, này các tỳ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới, không khéo biết phi ma giới, không khéo biết tử thân giới, không khéo biết phi tử thân giới, những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ gặp bất hạnh đau khổ lâu dài”***.

Trên đường tu tập tìm cầu sự làm chủ sinh, già, bệnh, chết thì phải rõ đời sống hiện tại, đời sống về tương lai có nhiều điều làm đau khổ và có nhiều điều không làm đau khổ, có nhiều điều xảy ra chết chóc, nhưng có nhiều điều không xảy ra chết chóc. Do những điều đó khiến cho chúng ta quá sợ hãi nên dễ tin theo những người ngoại Ba La Môn họ nói ma, nói quỷ, nói linh hồn người chết hiện ra chỗ này chỗ khác. Cho nên chúng ta đừng nghe theo và cũng đừng tin ai cả. Vì tin và nghe theo thì cũng giống như người chẵn bò vô trí nên bầy bò gặp tai nạn giữa dòng sông Hằng. Còn ngược lại người chẵn bò có trí cho những con bò già đi trước thăm dò đường và

những con bò con đi sau cùng nhờ đó mà bầy bò được an toàn qua sông.

Muốn cho con đường tu tập được đến nơi đến chốn thì chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Ngày xưa, này các tỳ-kheo, tại Magadha có người chăn bò có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lội qua được. Người đó đuổi bò cho đi đầu những con bò đực già, những con đầu đàn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đưa qua những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có được huấn luyện. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi*

qua những con bò con nhỏ, những con bò con còn bú. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay các tỳ-kheo thời xưa ấy có con bò còn nhỏ mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, cũng qua bờ bên kia một cách an toàn”.

So sánh bầy bò do người chăn bò có trí mà bầy bò qua sông Hằng được an toàn cũng như các con đã tu chứng đạo nên chỗ nào tu bị ức chế tâm chỗ nào bị tưởng họ đều biết rất rõ cho nên họ sẽ hướng dẫn những người tu hành đến đến chốn mà không còn sợ sai lạc.

Những điều tu hành ở đây không phải dẹp vọng tưởng mà hãy xem tâm mình còn bị ác pháp tác động hay không?

Nếu tâm không bị ác pháp tác động được thì đó là chứng đạo chứ không phải chứng đạo là tâm không còn vọng niệm. Đức Phật đã dạy: “Ngăn ác diệt ác pháp sinh thiện tăng trưởng thiện pháp”. Như vậy rõ ràng là tâm còn vọng niệm nhưng vọng

niệm thiện chớ không còn vọng niệm ác. Cho nên kẻ nào tu tập ức chế ý thức hết vọng niệm là sai. Phật không có dạy tu tập như vậy. Muốn biết rõ những điều này chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ-kheo, ví như những con bò đực già, đầu đàn, chúng đã lội cắt ngang dòng sông Hằng và qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các tỳ-kheo, các tỳ-kheo là những bậc A-la-hán, đã đoạn trừ các lậu hoặc, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, các hữu kiết sử đã hoàn toàn bị đoạn diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương, đã qua bờ bên kia một cách an toàn”***.

Những người tu hành đoạn trừ các lậu hoặc, các kiết sử đã đoạn diệt cho nên không có ác pháp nào tác động đến tâm họ được, họ là người giải thoát hoàn toàn cũng giống như các con bò đực lớn mạnh và được điều khiển chúng đã lội qua dòng sông đến bờ bên kia được bình an.

Trên đây là những vị tu hành đã đoạn trừ các lậu hoặc và các hữu kiết sử đã chứng quả A La Hán họ đã đạt được mục đích tâm bất động thanh thản an lạc và vô sự. Đạo Phật tu tập đến đây đã hoàn thành không còn tu tập một pháp môn nào nữa cả.

Đây là chặng đường thứ nhất được vào Niết Bàn nếu ai quyết tâm tu tập diệt trừ các lậu hoặc và các kiết sử.

Chặng đường thứ hai cũng được vào Niết Bàn. Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ-kheo, ví như những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có huấn luyện, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các tỳ-kheo, những tỳ-kheo sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, ở tại đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn”***.

Tu theo Phật giáo nhập vào Niết Bàn không phải khó. Cho nên những bậc đã

chúng quả A La Hán vào Niết bàn được thì như lời Phật dạy ở trên chỉ cần diệt trừ được năm hạ phần kiết sử thì khi chết vẫn nhập vào Niết Bàn rất dễ dàng. Năm hạ phần kiết sử gồm có:

- 1- Thân kiến kiết sử.
- 2- Nghi kiết sử.
- 3- Giới cấm thủ kiết sử.
- 4- Tham kiết sử.
- 5- Sân kiết sử.

Chỉ cần diệt trừ năm hạ phần kiết sử này thì chết cũng vào Niết Bàn một cách dễ dàng không thua gì một bậc đã tu chứng quả A La Hán.

Trên đây là quả thứ hai của những người được vào Niết Bàn.

Dưới đây là quả thứ ba của những người tu theo Phật giáo chỉ cần diệt trừ ba kiết sử và làm muội lược tâm tham, sân, si thì cũng nhập vào Niết Bàn cũng không phải khó khăn. Vậy ba kiết sử gồm có như sau:

- 1- Thân kiến kiết sử.

2- Nghi kiết sử.

3- Giới cấm thủ kiết sử.

Đây là chặng đường vào Niết Bàn thứ ba. Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy chặng đường vào Niết Bàn thứ ba: ***“Vi như, này các tỳ-kheo, những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn, những con bò này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các tỳ-kheo, những Tỳ-kheo đã diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn”***.

Đúng vậy chỉ cần diệt trừ ba kiết sử và làm giảm thiểu tâm tham, sân, si thì cũng vào Niết Bàn dễ dàng.

Chặng đường vào Niết Bàn thứ tư chỉ cần diệt trừ ba kiết sử:

1- Thân kiến kiết sử.

2- Nghi kiết sử.

3- Giới cấm thủ kiết sử.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Ví như, này các tỳ-kheo, những con bò con, nhỏ, những con bò con còn bú, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các tỳ-kheo, những tỳ-kheo diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhất định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến chánh giác. Những vị này lội cắt ngang dòng sông Ma vương và sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn”***.

Chặng đường thứ tư chỉ cần diệt trừ ba kiết sử thì chúng ta cũng nhập vào Niết bàn một cách dễ dàng sau khi bỏ xác thân này.

Dưới đây là chặng đường thứ năm, nếu chúng ta hành đúng pháp là chúng ta cũng vào Niết bàn không có khó khăn. Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Ví như, này các tỳ-kheo, con bò con còn nhỏ, mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ***

bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các tỳ-kheo, những tỳ-kheo tùy pháp hành, tùy tín hành, những vị này sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma Vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn”.

Chặng đường thứ năm này tùy theo pháp thiện hay ác mà giữ gìn tâm thanh thản an lạc thì cũng vào Niết Bàn một cách dễ dàng không có khó khăn. Chặng đường thứ năm đức Phật dạy chúng ta không diệt trừ tâm tham, sân, si, mạn, nghi và kiết sử nhưng chỉ có giữ gìn tâm thanh thản, an lạc thì cũng vào Niết Bàn.

Như vậy Phật giáo tu tập vào Niết Bàn đâu có khó khăn mệt nhọc chỉ cần biết sống thanh thản, an lạc là vào Niết bàn rồi. Đến đây quý vị có thấy điều dễ dàng này không?

Chặng đường thứ sáu đức Phật dạy chỉ có lòng tin nơi đức Phật mà khéo đối xử với mọi người mọi hoàn cảnh, không làm mình khổ người khác khổ và khổ tất cả chúng sinh thì mình cũng vào Niết Bàn không có khó khăn. Chúng ta hãy lắng

nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ-kheo, nay Ta khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết đối với ma giới, khéo biết đối với phi ma giới, khéo biết đối với tử thân giới, khéo biết đối với phi tử thân giới. Những ai nghĩ rằng, cần phải nghe, cần phải tin nơi Ta, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài”.***

Chỉ cần tin nơi lời Phật dạy, biết đối xử với mọi người không làm khổ mình khổ người và tất cả chúng sinh thì khi bỏ thân này cũng vào Niết Bàn một cách dễ dàng không có khó khăn.

Bởi đạo Phật có sáu chặng đường vào Niết Bàn chúng ta muốn đi chặng nào cũng được chỉ tùy vào sức lực, vào khả năng của mình mà chọn lấy nẻo vào Niết Bàn.

Xét qua sáu chặng đường tu tập này chúng ta mới thấy đạo Phật tu hành tùy theo căn cơ và trình độ của mỗi người, nhưng người nào cũng được vào Niết Bàn.



MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
Bảng tóm lược sơ đồ 37 cửa vào đạo.....	17
Bài pháp thứ nhất - Ngũ căn.....	21
Bài pháp thứ hai - Ngũ lực.....	26
Bài pháp thứ ba - Tứ Vô Lượng Tâm.....	42
Bài pháp thứ tư - Niệm Phật tứ bất hoại tịnh.....	47
Bài pháp thứ năm - Tứ Chánh Cần.....	51
Bài pháp thứ sáu - Tứ Niệm Xứ.....	56
Bài pháp thứ bảy - Thất Giác Chi.....	60
Bài pháp thứ tám - Tứ Như Ý Túc.....	63
Bài pháp thứ chín - Căn cứ vào đâu mà biết 37 phẩm trợ đạo là của Phật giáo.....	67
Thất giác chi.....	71
Tứ niệm xứ.....	76
Ba thiện hạnh.....	79
Pháp thân hành.....	84
Pháp như lý tác ý.....	87
Lòng tin.....	91

Tâm bất động, thanh thân, an lạc.....	95
Pháp môn tác ý.....	103
Thân cận thiện hữu tri thức.....	106
Tu tập chín giai đoạn.....	109
Ông A Na Luật thực hiện 37 phẩm trợ đạo.....	113
Chứng đạo mới được dạy người tu tập.....	130
Sống độc cư, sống một mình.....	150
Mục đích tu chứng đạo là tâm vô lậu.....	169
Mười một tri kiến giải thoát.....	185
Các quả tu chứng trong Phật giáo.....	221

HẾT